

Số: 1491/TB-CNNT-BKD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 6 năm 2022

THÔNG BÁO

Về việc thu tiền nước một số khu vực xã Tân Kiên, Tân Nhựt theo Quyết định 25/2019/QĐ-UBND ngày 24/10/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố và Quyết định số 728/QĐ-TCT-KDDVKH ngày 05/11/2019 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn

Căn cứ Quyết định số 220/QĐ-TCT-TCNS ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc thành lập Chi nhánh Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn- Trách nhiệm hữu hạn một thành viên- Xí nghiệp Cấp nước sinh hoạt nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành giá Dịch vụ thoát nước và Xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh lộ trình 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 24/10/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh lộ trình 2019-2022;

Căn cứ Quyết định số 728/QĐ-TCT-KDDVKH ngày 05/11/2019 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn về ban hành đơn giá tiêu thụ nước sạch cho cơ quan hành chính sự nghiệp, đoàn thể; đơn vị sản xuất; đơn vị kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh lộ trình 2019-2022;

Từ ngày 15/11/2021, Xí nghiệp Cấp nước sinh hoạt nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện việc cung cấp nước từ nguồn nước mạng của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên cho 1038 hộ dân, cơ quan, đơn vị tại một số khu vực trên địa bàn xã Tân Kiên và xã Tân Nhựt huyện Bình Chánh (trước đây sử dụng nguồn nước ngầm được cấp từ Trạm cấp nước Tân Kiên 3, xã Tân Kiên). Cụ thể, 1095 khách hàng trên thuộc các khu vực, tuyến đường sau:

1/ Xã Tân Nhựt:

- Khu vực Xóm Đáy (Xóm Giữa), Ấp 6: từ Cầu Chợ Đệm đến Cầu Dây Cái Tâm.

- Đường Thế Lữ: từ đường Nguyễn Cửu Phú đến đường dẫn Cao tốc.

2/ Xã Tân Kiên:

Đường Nguyễn Cửu Phú: Phía bên phải, từ Cầu Chợ Đệm đến số nhà 290 Nguyễn Cửu Phú, Tổ 15, Ấp 4, Tân Kiên.

Xí nghiệp Cấp nước sinh hoạt nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh xin thông báo đến Quý khách hàng sử dụng nước nêu trên, sẽ thực hiện thu tiền nước theo Quyết định 25/2019/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố và Quyết định 728/QĐ-TCT-KDDVKH của Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn như sau:

Kể từ hóa đơn tiền nước kỳ 6/2022, đơn giá nước được áp dụng cho các đối tượng sử dụng nước theo đơn giá năm 2022 như sau (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải, thuế giá trị gia tăng của giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải):

Định mức sử dụng nước, đối tượng sử dụng nước	Đơn giá (đồng/m ³)
a) Đến 4m ³ /người/tháng	
- Hộ dân cư	6.700
- Hộ nghèo và cận nghèo	6.300
b) Từ 4m ³ đến 6m ³ /người/tháng	12.900
c) Trên 6m ³ /người/tháng	14.400
Cơ quan hành chính sự nghiệp, đoàn thể	13.000
Đơn vị sản xuất	12.100
Đơn vị kinh doanh, dịch vụ	21.300

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- 1038 khách hàng trên (được thông báo trên Website của Xí nghiệp);
- UBND huyện Bình Chánh;
- UBND xã Tân Kiên, xã Tân Nhựt (phối hợp hỗ trợ thông báo tuyên truyền đến hộ dân);
- Trung tâm kiểm soát bệnh tật Tp.HCM, 125/61 Âu Dương Lân, P3, Q8;
- Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh;
- Phòng Kinh doanh DV KH TCT (để b/c);
- BGĐ Xí nghiệp;
- Các Ban, Đội XN (để thực hiện)
- Lưu VT, BKD.



Nguyễn Hoài Nam

(Đính kèm danh sách 1038 khách hàng xã Tân Kiên, Tân Nhựt được thông báo trên Website của Xí nghiệp: capnuocnongthon.com.vn).

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 6 năm 2022

**DANH SÁCH KHÁCH HÀNG XÃ TÂN KIÊN, TÂN NHỰT (TRẠM TÂN KIÊN 3 NGỪNG CẤP)
THU TIỀN THEO THÔNG BÁO SỐ 1491/TB -CNNT-KD, Ngày 02 tháng 6 năm 2022**

Stt	Trạm	Đợt	Danh bạ	Họ và tên	Địa chỉ	Giá biểu hiện tại	Đề nghị chuyển giá biểu mới
1	TK3-4	9	20138563522	NGUYEN NGOC NHAN	3/49 AP 6 TAN LONG	91	11
2	TK3-4	9	20138450150	PHAN CHI TRUNG	KE E2/29 THE LU TO 2 AP 6	91	11
3	TK3-4	9	20138366809	HUYNH THI TUYET HANG	THUA 605 TBD 35 THE LU	91	11
4	TK3-4	9	20138366808	HUYNH THI HONG	THUA 555 TBD 36 THE LU	91	11
5	TK3-4	9	20138365307	HUYNH THI TUYET HANG	THUA 607 (KE E8/157) THE LU	91	11
6	TK3-4	9	20138363639	NGO VAN DOAN	THUA 716 (E7/133H1) AP 6 THE LU	91	11
7	TK3-4	9	20138363638	VO THI NGOC TRANG	E7/133H AP 6 THE LU	91	11
8	TK3-4	9	20138363637	HUYNH THI NGA	THUA 451 AP 6 THE LU	91	11
9	TK3-4	9	20138363635	TRAN THI HOA	E9/196B AP 6 THE LU	91	11
10	TK3-4	9	20138363633	LAI NGUYEN PHONG	E3/39 AP 6 THE LU	91	11
11	TK3-4	9	20138349885	VO VAN MINH	E7/138N THE LU TO 7 AP 6	91	11
12	TK3-4	9	20138349883	NGUYEN THI KIM HOANG	E7/138M THE LU TO 7 AP 6	91	11
13	TK3-4	9	20138349880	NGUYEN THI SANH	E7/138A THE LU TO 7 AP 6	91	11
14	TK3-4	9	20138349832	NGUYEN THI KIM HONG	E8/163D TO8AP 6	91	11
15	TK3-4	9	20138335261	PHAM THI CAM QUYEN	E3/59 AP 6	91	11
16	TK3-4	9	20138320926	NGUYEN NGOC LE	E01/22A TL AP 6	91	11
17	TK3-4	9	20138316902	NGUYEN THI NEP	E1/5 AP6	91	11
18	TK3-4	9	20138164436	TRAN THI SON CA	THUA 645 TBD 53 (GAN E8/163) AP 6 THE LU	91	11
19	TK3-4	9	20138162378	HUYNH THI KIM QUYEN	E7/138E AP 6 THE LU	91	11
20	TK3-4	9	20138151244	HUYNH THI HOA	E8/173M THE LU	91	11
21	TK3-4	9	20138151240	TRAN THI ANH	E7/146	91	11
22	TK3-4	9	20138151191	HUYNH VAN MON	E8/155 THE LU T8	91	11

23	TK3-4	9	20138150946	NGUYEN THI UT	E9/203H THE LU	91	11
24	TK3-4	9	20138150945	NGUYEN VAN MOC	E9/183 THE LU	91	11
25	TK3-4	9	20138150944	DOAN THI MUOI	E8/179 THE LU	91	11
26	TK3-4	9	20138150943	NGUYEN HONG HIEP	E8/169 THE LU	91	11
27	TK3-4	9	20138150942	TRAN THI NHUNG	E7/143A THE LU	91	11
28	TK3-4	9	20138150941	DAO VAN THACH	E7/143 THE LU	91	11
29	TK3-4	9	20138150940	DAO NGOC THANH PHUONG	E7/143 THE LU	91	11
30	TK3-4	9	20138150939	BUI MINH TRI	E7/140C THE LU	91	11
31	TK3-4	9	20138150938	TRUONG QUOC DAT	E7/138K THE LU	91	11
32	TK3-4	9	20138150010	LAM THI MY CHAU	E7/139D	91	11
33	TK3-4	9	20138150009	DO VAN HAI	E7/138M	91	11
34	TK3-4	9	20138150008	HUYNH BAO QUOC	E7/139B	91	11
35	TK3-4	9	20138150007	HUYNH VAN HUNG	E7/145A	91	11
36	TK3-4	9	20138150005	TRAN MINH MAN	E9/183	91	11
37	TK3-4	9	20138149893	TRAN VAN SANG	E7/138G THE LU TO 7 AP 6	91	11
38	TK3-4	9	20138149892	DOAN VAN CHINH	E7/138F THE LU TO 7 AP 6	91	11
39	TK3-4	9	20138149891	NGUYEN THI THU LAN	E7/138S THE LU TO 7 AP 6	91	11
40	TK3-4	9	20138149890	NGUYEN THI HONG CHAU	E7/138D THE LU TO 7 AP 6	91	11
41	TK3-4	9	20138149889	TRUONG QUOC TRUNG	E7/138K THE LU TO 7 AP 6	91	11
42	TK3-4	9	20138149888	DO THANH HUNG	E7/138Q THE LU TO 7 AP 6	91	11
43	TK3-4	9	20138149887	DO VAN DUC	E7/138Q THE LU TO 7 AP 6	91	11
44	TK3-4	9	20138149886	LE VAN NHI	E7/138H THE LU TO 7 AP 6	91	11
45	TK3-4	9	20138149884	TRAN THI KIM PHUC	KE E7/138N THE LU TO 7 AP 6	91	11
46	TK3-4	9	20138149882	NGUYEN CHI HUONG	KE E7/138L THE LU TO 7 AP 6	91	11
47	TK3-4	9	20138149881	TRAN THI KIM LOAN	E7/138L THE LU TO 7 AP 6	91	11
48	TK3-4	9	20138149877	LY MINH QUANG	E9/176 THE LU TO 9 AP 6	91	11
49	TK3-4	9	20138149876	TRAN THI BE	E8/175G THE LU TO 8 AP 6	91	11
50	TK3-4	9	20138149860	NGO VAN TAM	E7/157B THE LU TO 7 AP 6	91	11
51	TK3-4	9	20138149855	BUI HOANG XUAN	KE E7/48THE LU TO 7 AP 6	91	11
52	TK3-4	9	20138149849	HO THI KIM CHAU	E8/167 THE LU TO 8 AP 6	91	11
53	TK3-4	9	20138149831	DUONG THI DOI	E8/152 TO8AP 6	91	11
54	TK3-4	9	20138149830	DOAN THI NGOC XOAN	E8/154 TO8AP 6	91	11
55	TK3-4	9	20138149829	LAI THANH VU	E8/154A TO8AP 6	91	11
56	TK3-4	9	20138149828	DUONG VAN LIEM	E8/153 TO8AP 6	91	11
57	TK3-4	9	20138149813	NGUYEN VAN TEO	E9/177 THE LU TO 9 AP 6	91	11
58	TK3-4	9	20138149812	VO THI THUY TRANG	E8/156 THE LU TO 8 AP 6	91	11
59	TK3-4	9	20138149582	TRAN VAN HAO	E8/173 THE LU T8 AP 6	91	11
60	TK3-4	9	20138149581	PHAM THI TUONG VI	E8/157B THE LU T8 AP 6	91	11

61	TK3-4	9	20138149580	PHAM VAN CHINH	E8/157 THE LU T8 AP 6	91	11
62	TK3-4	9	20138149579	TRAN LE HOANG MAN	E8/173N THE LU T8 AP 6	91	11
63	TK3-4	9	20138149578	PHAM QUOC THANH	E8/163 THE LU T8 AP 6	91	11
64	TK3-4	9	20138149577	TRANG THI SAU	E8/158 THE LU T8 AP 6	91	11
65	TK3-4	9	20138149576	LE TUAN NHUT	E8/158B THE LU T8 AP 6	91	11
66	TK3-4	9	20138149574	NGUYEN VAN KHON	E8/161 THE LU T8 AP 6	91	11
67	TK3-4	9	20138149572	PHAM VAN TAM	E8/165 THE LU T8 AP 6	91	11
68	TK3-4	9	20138149571	LE MINH PHONG	E8/158A THE LU T8 AP 6	91	11
69	TK3-4	9	20138149570	NGUYEN VAN NGOC	E8/162 THE LU T8 AP 6	91	11
70	TK3-4	9	20138149569	PHAM VAN MEN	E7/13 THE LU AP 6	91	11
71	TK3-4	9	20138149568	NGUYEN VAN BEO	E8/159 THE LU T8 AP 6	91	11
72	TK3-4	9	20138149567	NGUYEN THI TUYET NGA	E8/169F THE LU T8 AP 6	91	11
73	TK3-4	9	20138149566	NGUYEN VAN DANG	E8/169 THE LU T8 AP 6	91	11
74	TK3-4	9	20138149565	NGUYEN VAN SAU	E8/169 THE LU T8 AP 6	91	11
75	TK3-4	9	20138149564	NGUYEN VAN GIAI	E8/170 THE LU T8 AP 6	91	11
76	TK3-4	9	20138149528	PHAN NGOC BICH	E7/139E THE LU T7 AP 6	91	11
77	TK3-4	9	20138149527	TRAN CONG MINH	E7/139F THE LU T7 AP 6	91	11
78	TK3-4	9	20138149524	BUI VAN AN	E7/140C THE LU T7 AP 6	91	11
79	TK3-4	9	20138149521	TRAN VAN HAI	E9/173 THE LU T9 AP 6	91	11
80	TK3-4	9	20138135664	DAO NGOC DIEP	E07/142B DUONG THE LU TO 7 AP 6	91	11
81	TK3-4	9	20138135146	LAI HUU NGHIA	E3/39D DUONG XOM GIUA AP 6	91	11
82	TK3-4	9	20138134834	LE VAN NHI	E1/18A AP 6	91	11
83	TK3-4	9	20138134723	LE THI MOT	E1/18 AP 6	91	11
84	TK3-4	9	20138134683	NGUYEN QUOC TUAN	E2/22 AP 6	91	11
85	TK3-4	9	20138134682	LE VAN TAM	E2/23 AP 6	91	11
86	TK3-4	9	20138134681	NGUYEN THI KIM CHI	TO 3 AP 6	91	11
87	TK3-4	9	20138134680	NGUYEN QUOC THANG	E2/32A AP 6	91	11
88	TK3-4	9	20138134679	PHAN THI TUY	E2/35 AP 6	91	11
89	TK3-4	9	20138134585	NGUYEN HUU HANH	E2/24 AP 6	91	11
90	TK3-4	9	20138134584	NGUYEN VAN DO	E2/25 AP 6	91	11
91	TK3-4	9	20138134583	TRUONG THI LE	E2/30 AP 6	91	11
92	TK3-4	9	20138134582	LE THI UT	E2/32 AP 6	91	11
93	TK3-4	9	20138134581	DAO VAN NHAN	E2/27 AP 6	91	11
94	TK3-4	9	20138134572	NGUYEN THI SINH	E2/34 AP 6	91	11
95	TK3-4	9	20138134569	TRINH VAN QUYEN	TO 9 AP 6	91	11
96	TK3-4	9	20138134567	PHAN CHI NGUYEN	E2/29 AP 6	91	11
97	TK3-4	9	20138134390	LAI HUU DANH	E3/41 AP 6	91	11
98	TK3-4	9	20138134198	LAI HUU PHUONG	E3/39A AP 6	91	11

99	TK3-4	9	20138134128	LAI HUU SANG	E3/39C AP 6	91	11
100	TK3-4	9	20138134127	LAI THI TUYET THU	E3/41A AP 6	91	11
101	TK3-4	9	20138134126	LAI HUU NHAN	E3/39 AP 6	91	11
102	TK3-4	9	20138124083	TU CHI TRUNG	E2/31 TL AP 6	91	11
103	TK3-4	9	20138121568	TRINH DINH THEP	E3/49B AP 6	91	11
104	TK3-4	9	20138121505	TRUONG MG HOA DAO	B10/107A AP 2	92	31
105	TK3-4	9	20138121369	TRUONG THI VEN	E2/26 AP 6	91	11
106	TK3-4	9	20138121362	NGUYEN THI THOM	E3/48 T3 AP 6	91	11
107	TK3-4	9	20138121361	VAN THI UT	E1/46 T1 AP 6	91	11
108	TK3-4	9	20138121359	HO THI THOI	E1/1 T1 AP 6	91	11
109	TK3-4	9	20138121196	TA THI THE	E1/34A AP 6	91	11
110	TK3-4	9	20138121191	TA THI LUNG	E3/50 T3 AP 6	91	11
111	TK3-4	9	20138121190	NGUYEN THI NAM	E1/4 AP 6	91	11
112	TK3-4	9	20138121189	VO THI TAM	E1/3 AP 6	91	11
113	TK3-4	9	20138121188	TRAN VAN NEN	E1/2 AP 6	91	11
114	TK3-4	9	20138121117	DOAN HOANG MAI	E01/1A T1 AP 6	91	11
115	TK3-4	9	20138120847	NGUYEN VAN TU	E1/20 AP 6	91	11
116	TK3-4	9	20138120730	PHAM THI NUOI	E1/9 TL AP 6	91	11
117	TK3-4	9	20138120668	NGUYEN KIM QUY	E1/13 AP 6	91	11
118	TK3-4	9	20138120667	PHAN NGOC HAI	E3/57 AP 6	91	11
119	TK3-4	9	20138119056	PHAN DUY KHANH	E1/20A AP 6	91	11
120	TK3-4	9	20138119055	TA VAN HUON	E1/19 AP 6	91	11
121	TK3-4	9	20138119054	LE THI HOA	E1/11 AP 6	91	11
122	TK3-4	9	20138119053	TA THI VO	E1/10 AP 6	91	11
123	TK3-4	9	20138119052	NGUYEN HONG KHANH	E1/8 AP 6	91	11
124	TK3-4	9	20138117746	PHAN TAN MY	E3/42 AP6	91	11
125	TK3-4	9	20138117595	NGUYEN VAN NHAN	E1/12 AP6	91	11
126	TK3-4	9	20138117580	TRUONG TIEU HOC TAN NHUT 6	AP 6	92	31
127	TK3-4	9	20138116905	TRAN THAI NGOC	E1/6 AP6	91	11
128	TK3-4	9	20138116904	TA VAN DUOC	E1/7 AP6	91	11
129	TK3-4	9	20138116903	TRAN THI KIM VAN	E1/22 AP6	91	11
130	TK3-4	9	20138116900	KIEU CONG CUNG	E3/45 AP6	91	11
131	TK3-4	9	20138116899	NGUYEN BACH HUE	E3/16 AP6	91	11
132	TK3-4	9	20138116666	NGUYEN THI DANH	E2/28 AP6	91	11
133	TK3-4	9	20138116661	NGUYEN NGOC NHAN	E03/49 AP3	91	11
134	TK3-4	9	20138116481	NGUYEN THI NGOC SUONG	E3/58 AP6	91	11
135	TK3-4	20	20128267503	VO THI THANH THUY	THUA 575 TBD 20 LE BA TRINH	91	11
136	TK3-4	19	20128267457	KIEU TIEN QUAN	THUA 534 TBD 25 BONG VAN DIA	91	11

137	TK3-4	20	20128267456	LE THI GAP	THUA 511 TBD 20 LE BA TRINH	91	11
138	TK3-4	20	20128267222	BUI ANH DUONG	THUA 705 TBD 29 BA THAU	91	11
139	TK3-4	19	20128267100	LE SANG THANG	A9/15M BONG VAN DIA	91	11
140	TK3-4	18	20128267094	NGUYEN THANH QUAN	THUA 651 TBD 23 NGUYEN CUU PHU	91	11
141	TK3-4	19	20128267093	LE VAN LO	A13/20B1 NGUYEN CUU PHU	91	11
142	TK3-4	20	20128267091	VO THI KIM LIEN	THUA 20 TBD 28 BONG VAN DIA	91	11
143	TK3-4	20	20128267090	NGO THI HUONG HOA	THUA 510 TBD 30 BA THAO	91	11
144	TK3-4	19	20128267085	NGUYEN THU TRANG	863 NGUYEN CUU PHU	91	11
145	TK3-4	18	20128267082	PHAN THI THU HIEN	A12/A1 NGUYEN CUU PHU	91	11
146	TK3-4	18	20128266732	NGUYEN MINH TUAN	THUA 4731 TBD 03 NGUYEN CUU PHU	91	11
147	TK3-4	18	20128266578	NGUYEN THI THUYET NHUNG	C1/2 QUOC LO 1A	91	11
148	TK3-4	18	20128266577	PHAM THI BANG	THUA 516 TBD 04 NGUYEN CUU PHU	91	11
149	TK3-4	18	20128266576	TRAN SON CUOC	THUA 653 TBD 70 (KS D14/22C) NGUYEN CUU PHU	91	11
150	TK3-4	18	20128266572	DINH THI LUA	THUA 669 TBD 24 (GAN 954) (KS 954) NGUYEN CUU PHU	91	11
151	TK3-4	20	20128265504	TRAN THI KIM HOA	THUA 550 TBD 30 (KS A14/10) BA THAU	91	11
152	TK3-4	18	20128265444	LE AN PHU	THUA 6308 TBD 3 (KS D12/14) NGUYEN CUU PHU	91	11
153	TK3-4	18	20128265443	NGUYEN VAN SANG	D15/19 NGUYEN CUU PHU	91	11
154	TK3-4	19	20128265294	LE THI NO	D14/21A NGUYEN CUU PHU	91	11
155	TK3-4	19	20128265293	LE THI NO	D14/21 NGUYEN CUU PHU	91	11
156	TK3-4	20	20128265289	HUYNH DINH CHUONG	THUA 6712 TBD 3 (GAN 15A) BA THAU	91	11
157	TK3-4	19	20128265288	VO KIM PHUNG	D19/12P1 DUONG T23	91	11
158	TK3-4	19	20128265285	NGUYEN BINH TRI	A13/18 NGUYEN CUU PHU	91	11
159	TK3-4	19	20128265282	NGUYEN THI NGOC THACH	A13/18G NGUYEN CUU PHU	91	11
160	TK3-4	19	20128265281	NGUYEN BINH TRI	THUA 1413 TBD 3 (GAN A13/18) NGUYEN CUU PHU	91	11
161	TK3-4	19	20128265280	NGUYEN HONG PHUC	A13/18N NGUYEN CUU PHU	91	11
162	TK3-4	19	20128265279	NGUYEN PHAT XUONG	A13/18A NGUYEN CUU PHU	91	11
163	TK3-4	19	20128265278	NGUYEN THI HONG HANH	A13/18B NGUYEN CUU PHU	91	11
164	TK3-4	19	20128265277	NGUYEN QUOC TUAN	A13/18L NGUYEN CUU PHU	91	11
165	TK3-4	19	20128265276	NGUYEN LE TRONG HOANG	A13/18F NGUYEN CUU PHU	91	11
166	TK3-4	19	20128265275	NGUYEN HONG PHUC	A13/18C NGUYEN CUU PHU	91	11
167	TK3-4	18	20128264411	NGUYEN PHAT XUONG	THUA 1740 TBD 03 (DDD17/14) AP 4 NGUYEN CUU PHU	91	11
168	TK3-4	19	20128264410	BUI NGOC MONG HUNG	D14/10 AP 4 NGUYEN CUU PHU	91	11
169	TK3-4	18	20128264408	PHAN TAN DAN VU	A10/27 AP 1 NGUYEN CUU PHU	91	11
170	TK3-4	18	20128264406	NGUYEN THI HONG	1492 AP 1 NGUYEN CUU PHU	91	11
171	TK3-4	19	20128263922	DO THI DIEU QUE	THUA 523 (KE:SN 831) NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
172	TK3-4	18	20128263857	TRUONG HOC CHANH	THUA 2620 NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
173	TK3-4	20	20128263493	NGUYEN VAN MANH	A6/15FGV AP 1 DUONG KENH 9	91	11
174	TK3-4	20	20128263057	DUONG THI CAM	THUA 12.269 TBD 29 AP 1 BA THAU	91	11

175	TK3-4	18	20128262853	VAN TIEN THANH	A5/8A AP 1 DUONG NGUYEN CUU PHU	91	11
176	TK3-4	19	20128262852	NGUYEN THANH THONG	D14/9 AP 4 NGUYEN CUU PHU	91	11
177	TK3-4	19	20128262851	NGUYEN VINH AN	THUA 528 TBD 31 AP 1 NGUYEN CUU PHU	91	11
178	TK3-4	19	20128262824	VU XUAN THANH	THUA 510 TBD 54 AP 1 NGUYEN CUU PHU	91	11
179	TK3-4	18	20128262823	NGUYEN HOI	A5/12S AP 1 NGUYEN CUU PHU	91	11
180	TK3-4	18	20128262767	NGUYEN THI HONG PHUONG	254 NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
181	TK3-4	18	20128262766	LUU HUU NGHIA	THUA 503 TBD 32 AP 1 DUONG NGUYEN CUU PHU	91	11
182	TK3-4	18	20128262765	LE THI BE	A12/2 AP 1 NGUYEN CUU PHU	91	11
183	TK3-4	20	20128262483	VU VAN DUNG	A14/7A AP 1 BA THAU	91	11
184	TK3-4	19	20128261755	PHAM THI VANG	D3/21A AP 4 XOM HO	91	11
185	TK3-4	19	20128260831	NGUYEN LE TAN	THUA 57 TBD 67 AP 4 DUONG T23	91	11
186	TK3-4	19	20128260829	HUYNH THI NO	THUA TBD 03 AP 4 KENH T23	91	11
187	TK3-4	18	20128260701	HO TRAN LE XUAN	1141 AP 1 NGUYEN CUU PHU	91	11
188	TK3-4	20	20128260370	PHONG CANH SAT GIAO THONG DUONG	A6/12D KENH 8	92	31
189	TK3-4	20	20128249277	NGUYEN BAO TOAN	A6/12K KENH 8	91	11
190	TK3-4	20	20128249263	PHAN VAN MANH	KE A7/24 KENH 8	91	11
191	TK3-4	19	20128249252	NGUYEN THI HONG	1492 NGUYEN CUU PHU	91	11
192	TK3-4	18	20128249251	NGUYEN THANH TU	A5/6/I NGUYEN CUU PHU	91	11
193	TK3-4	18	20128249238	NHAN TRONG TAM	DOI DIEN A5/6B NGUYEN CUU PHU	91	11
194	TK3-4	18	20128249219	LE VAN TU	THUA 503 TO BD 68	91	11
195	TK3-4	18	20128249216	HUYNH MAI	A9/22K NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
196	TK3-4	18	20128249214	TRAN LOC CUONG	D12/18A NGUYEN CUU PHU	91	11
197	TK3-4	18	20128249209	HUYNH VAN THANH	1275 NGUYEN CUU PHU	91	11
198	TK3-4	19	20128249195	NGUYEN THI HONG DAO	256 NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
199	TK3-4	18	20128249194	VO NGOC LAM	THUA 679 XOM HO AP 4	91	11
200	TK3-4	18	20128249192	NGUYEN THI KIEU TRINH	THUA 663 BAN DO SO 70 AP 4	91	11
201	TK3-4	18	20128249187	NHAM MY LINH	NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
202	TK3-4	18	20128249175	LE THI NGOC DUNG	KE D16/15C	91	11
203	TK3-4	18	20128249174	LE DAI DUONG	D16/15 NGUYEN CUU PHU	91	11
204	TK3-4	18	20128249173	LA HIEN	THUA 615 TO BD 69	91	11
205	TK3-4	18	20128249172	NGUYEN QUOC TUAN	D17/14 NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
206	TK3-4	18	20128249171	NGUYEN THI THUY LINH	KE D16/11 NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
207	TK3-4	18	20128249170	NGUYEN TRUNG HOA	KE D12/18A NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
208	TK3-4	18	20128249169	LE VAN DUC	D12/18A AP 4	91	11
209	TK3-4	18	20128249168	NGUYEN VAN DONG	KE D12/14A NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
210	TK3-4	18	20128249167	TU THI XINH	KE D12/13B NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
211	TK3-4	20	20128249157	PHAM XUAN THANH	KE A14/5E BA THAO AP 1	91	11
212	TK3-4	20	20128249156	DAO VAN TUC	KE A14/5E BA THAO AP 1	91	11

213	TK3-4	18	20128249146	HUYNH THANH PHONG	1273 NGUYEN CUU PHU	91	11
214	TK3-4	18	20128249139	NGUYEN THI GIO	D18/14 NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
215	TK3-4	18	20128249138	NGUYEN BACH DANG	THUA 72 TO BD 58	91	11
216	TK3-4	20	20128249137	TRAN LE MINH TAM	D16/2A NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
217	TK3-4	18	20128249136	VO HOANG THACH	D16/2 NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
218	TK3-4	18	20128249135	LE THI NGOC DIEM	D16/15D NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
219	TK3-4	19	20128249134	NGUYEN HONG DUC	D15/26F NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
220	TK3-4	18	20128249133	NGUYEN THI KIM HONG	D15/17 NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
221	TK3-4	18	20128249131	NGUYEN THANH LAM	D15/10 NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
222	TK3-4	18	20128249127	DUONG JOY	D12/18C NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
223	TK3-4	18	20128249125	VO VAN KIM HUNG	D12/18A NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
224	TK3-4	18	20128249124	NGUYEN VAN KHOA	D12/17 NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
225	TK3-4	18	20128249123	NGUYEN TRUNG THAO	D12/17 NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
226	TK3-4	18	20128249122	TO THI KIM OANH	D12/14EGV NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
227	TK3-4	18	20128249121	LAM NGOC GIAU	D12/14C NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
228	TK3-4	18	20128249120	NGUYEN THI THUY TRANG	D12/14C NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
229	TK3-4	18	20128249119	NGUYEN KIM THUY	D12/14B NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
230	TK3-4	18	20128249118	TRAN THI MY LIEN	D12/14A NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
231	TK3-4	20	20128249111	NGUYEN VAN CAM	BA THAO	91	11
232	TK3-4	18	20128249108	TRAN KIM TUYEN	A9/22R NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
233	TK3-4	18	20128249107	NGUYEN HUU KHIEM	A9/22G NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
234	TK3-4	18	20128249106	TRAN VAN DUNG	A9/21L NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
235	TK3-4	18	20128249105	CAO NGUYEN ANH DUNG	A9/21H4 NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
236	TK3-4	18	20128249104	NGUYEN HUU DONG	A9/21E NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
237	TK3-4	18	20128249103	NGUYEN THI TUYET NHUNG	A9/21C NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
238	TK3-4	18	20128249102	NGUYEN KIM HONG	A9/21B NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
239	TK3-4	18	20128249101	KIEU THI KIM KHUE	A9/21A NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
240	TK3-4	18	20128249100	PHUNG QUOC VIET	A9/20U NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
241	TK3-4	18	20128249099	KIEU THI PHUONG	A9/20T NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
242	TK3-4	18	20128249031	NGUYEN THI THANH	A8/31A BONG VAN DIA AP 1	91	11
243	TK3-4	18	20128248874	TRUONG VAN KY	A5/6F NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
244	TK3-4	20	20128248871	NHAN TRONG TAM	A5/6B NGUYEN CUU PHU	91	11
245	TK3-4	18	20128248868	LE THI DUC	A5/3F NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
246	TK3-4	18	20128248867	KIEU CONG THUAN	A5/3E NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
247	TK3-4	18	20128248854	NGO TUNG CHAU	A5/1B2 TRAN DAI NGHIA AP 1	91	11
248	TK3-4	18	20128248853	NGUYEN THI HA	A5/1B NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
249	TK3-4	18	20128248852	KIEU THI KIM TUYET	A5/1A NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
250	TK3-4	18	20128248832	TRAN THI NGOC LANH	A5/15B NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11

251	TK3-4	18	20128248829	HUYNH THANH LAM	A5/14T NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
252	TK3-4	18	20128248826	HUYNH VAN NHAN	A5/14G NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
253	TK3-4	19	20128248823	LE VAN PHUC	A5/14B1 NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
254	TK3-4	18	20128248818	LE KIM TRANG	A5/13N KENH 7 AP 1	91	11
255	TK3-4	18	20128248817	LE THI HONG	A5/13E KENH 7 AP 1	91	11
256	TK3-4	18	20128248816	LE THUC MINH	A5/13C KENH 7 AP 1	91	11
257	TK3-4	18	20128248815	TRAN VAN THANH	A5/13B KENH 7 AP 1	91	11
258	TK3-4	18	20128248814	TRAN NGOC DUC	A5/13A KENH 7 AP 1	91	11
259	TK3-4	18	20128248813	TRAN THI MUOI	A5/13 NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
260	TK3-4	18	20128248811	NGUYEN VAN BA	A5/12L KENH 7 AP 1	91	11
261	TK3-4	18	20128248810	PHAM SI TINH	A5/12K	91	11
262	TK3-4	18	20128248809	LE NGOC NHUNG	A5/12H1 KENH 7 AP 1	91	11
263	TK3-4	18	20128248808	LE VAN BAY	A5/12G KENH 7 AP 1	91	11
264	TK3-4	18	20128248807	LE CONG TUAN	A5/12F NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
265	TK3-4	18	20128248806	HO MUOI	A5/12E KENH 7 AP 1	91	11
266	TK3-4	18	20128248805	MAI XUAN CUONG	A5/12D KENH 7 AP 1	91	11
267	TK3-4	18	20128248804	PHUC THI DA LY	A5/12C NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
268	TK3-4	18	20128248803	DIEP XU HA	A5/12B KENH 7 AP 1	91	11
269	TK3-4	18	20128248802	TRUONG VINH THUAN	A5/12A NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
270	TK3-4	18	20128248801	LE CONG THANH	A5/12 NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
271	TK3-4	18	20128248800	LE NGOC THUY	A5/12 KENH 7 AP 1	91	11
272	TK3-4	18	20128248799	NGUYEN KIM NGOC	A5/11N KENH 7 AP 1	91	11
273	TK3-4	18	20128248798	DUONG THANG LOI	A5/11E KENH 7 AP 1	91	11
274	TK3-4	18	20128248797	LUONG CAU	A5/11D KENH 7 AP 1	91	11
275	TK3-4	18	20128248796	PHAM THI DIEP	A5/11C KENH 7 AP 1	91	11
276	TK3-4	18	20128248795	NGUYEN THI XUAN	A5/11B KENH 7 AP 1	91	11
277	TK3-4	18	20128248794	NGUYEN THANH PHAT	A5/11A KENH 7 AP 1	91	11
278	TK3-4	18	20128248793	LE VAN SA	A5/11 KENH 7 AP 1	91	11
279	TK3-4	18	20128248792	TRAN THI TUYET LAN	A5/10M KENH 7 AP 1	91	11
280	TK3-4	18	20128248791	TRAN VAN DONG	A5/10K NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
281	TK3-4	18	20128248790	VO THI THU THUY	A5/10H KENH 7 AP 1	91	11
282	TK3-4	18	20128248789	LE THI NGOC TUYEN	A5/10D KENH 7 AP 1	91	11
283	TK3-4	18	20128248788	LE HOANG PHI VU	A5/10C KENH 7 AP 1	91	11
284	TK3-4	18	20128248787	HUYNH THANH PHONG	A5/10B KENH 7 AP 1	91	11
285	TK3-4	18	20128248786	TRUONG MY HAI	A5/10A KENH 7 AP 1	91	11
286	TK3-4	18	20128248785	NGUYEN TRONG THUONG	A5/10 KENH 7 AP 1	91	11
287	TK3-4	20	20128248744	NGUYEN THI KIM THANH	A17/7A BA THAO AP 1	91	11
288	TK3-4	20	20128248743	NGUYEN THI KIM THANH	A15/7A BA THAO AP 1	91	11

289	TK3-4	20	20128248742	NGUYEN VAN MAI	A15/7 BA THAO AP 1	91	11
290	TK3-4	20	20128248741	HOANG DANG HOC	A14/8N AP 1	91	11
291	TK3-4	20	20128248740	HUYNH THANH TUAN	A14/6C BA THAO AP 1	91	11
292	TK3-4	20	20128248739	HUYNH THI MUA	A14/18F BA THAO AP 1	91	11
293	TK3-4	19	20128248738	PHAM TAN HIEN	A14/17A BA THAO AP 1	91	11
294	TK3-4	20	20128248737	NGUYEN VAN BAY	A14/16E AP 1	91	11
295	TK3-4	20	20128248736	NGUYEN VAN BAY	A14/16A BA THAO AP 1	91	11
296	TK3-4	20	20128248735	NGUYEN VAN PHU	A14/15C BA THAO AP 1	91	11
297	TK3-4	20	20128248734	TRAN THI PHUONG	A14/13D BA THAO AP 1	91	11
298	TK3-4	20	20128248733	HUYNH THI BAY	A14/11A AP 1	91	11
299	TK3-4	19	20128248732	HUYNH THAI LUONG	A13/7A NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
300	TK3-4	19	20128248731	KIEU CONG HIEU	A13/5 NGUYEN CUU PHU	91	11
301	TK3-4	20	20128248730	PHAM TRUONG NHAT	A13/33B BA THAO AP 1	91	11
302	TK3-4	19	20128248729	NGUYEN VAN UT	A13/2A NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
303	TK3-4	19	20128248728	NGUYEN THI KIM	A13/28 NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
304	TK3-4	19	20128248727	TRAN BA LINH	A13/27A NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
305	TK3-4	19	20128248726	LE VAN LOT	A13/26A NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
306	TK3-4	19	20128248725	LE THI DIEM CHAU	A13/1H NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
307	TK3-4	19	20128248724	VO NGOC THUY	A13/17E NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
308	TK3-4	19	20128248723	VO DINH DUY	A13/17C NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
309	TK3-4	18	20128248722	NGUYEN HUU VIET	A12/5B NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
310	TK3-4	18	20128248715	NGUYEN THI NGOC SUONG	A12/12A NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
311	TK3-4	19	20128248685	NGUYEN NGOC KHANH	A10/7A NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
312	TK3-4	19	20128248684	BUI TUAN DUNG	A10/7 NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
313	TK3-4	19	20128248661	PHAM ANH VU	961 NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
314	TK3-4	19	20128248660	PHAM ANH TUAN	957 NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
315	TK3-4	18	20128248657	NGUYEN THI PHUONG THAO	814 NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
316	TK3-4	19	20128248656	TRAN THI CHU	717 NGUYEN CUU PHU	91	11
317	TK3-4	18	20128248655	NGUYEN QUOC TUAN	696 NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
318	TK3-4	18	20128248654	DUONG DINH CHIEU	D12/18 NGUYEN CUU PHU	91	11
319	TK3-4	18	20128248653	NGUYEN THI KIM PHUONG	A12/12A NGUYEN CUU PHU	91	11
320	TK3-4	18	20128248652	TRAN LOC CUONG	THUA 513 TO BD 68	91	11
321	TK3-4	19	20128248651	NGUYEN HUU TRI	A13/19 NGUYEN HUU TRI	91	11
322	TK3-4	19	20128248637	LE THANH TRUYEN	KE A9/15D AP 1 XA TAN KIEN	91	11
323	TK3-4	18	20128248634	HUYNH THI TUYET HANG	1362 NGUYEN CUU PHU	91	11
324	TK3-4	18	20128248631	KIEU LE THUY	1315 NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
325	TK3-4	18	20128248629	KIEU CONG CHAP	1281 NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
326	TK3-4	18	20128248628	KIEU CONG DUNG	1279 NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11

327	TK3-4	18	20128248627	KIEU THI HOA MAI	I277 NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
328	TK3-4	18	20128248626	KIEU THI HOA NHUNG	I275A NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
329	TK3-4	18	20128248624	MAI KHANH VUONG	I217 NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
330	TK3-4	18	20128248623	NGUYEN THI BE	I213 NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
331	TK3-4	18	20128248621	NGUYEN THI NGOC HANH	I209 NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
332	TK3-4	18	20128248620	NGUYEN THI THU	I185 NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
333	TK3-4	18	20128248619	THAI YEN DAT	I181 NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
334	TK3-4	18	20128248618	THAI NGOC GIANG	I177 NGUYEN CUU PHU	91	11
335	TK3-4	18	20128248616	NGUYEN ANH PHUOC	I169 NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
336	TK3-4	18	20128248615	CAO HUU TAI	I167 NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
337	TK3-4	18	20128248612	HO LAY NHIN	I131 NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
338	TK3-4	18	20128248611	NGUYEN THANH SANG	I175 NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
339	TK3-4	18	20128248610	NGUYEN THI THANH THUY	I073 NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
340	TK3-4	18	20128248609	NGUYEN THI VUONG	I069 NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
341	TK3-4	18	20128241368	CONG TY TNHH SAN XUAT THUONG MAI TUONG	A9/22G NGUYEN CUU PHU AP 1 XA TAN KIEN BC	93	32
342	TK3-4	18	20128241367	CONG TY TNHH MAY MOC THIET BI NG	A5/I NGUYEN CUU PHU	93	32
343	TK3-4	18	20128241366	DNTN SAN XUAT THUONG MAI TUONG	A9/20B BONG	91	11
344	TK3-4	18	20128241365	CONG TY CO PHAN DAN CO SAI GON	A5/I NGUYEN CUU PHU	94	33
345	TK3-4	18	20128239178	HUYNH NGOC TUNG	C5/20G HUNG NHON AP 3	91	11
346	TK3-4	18	20128239176	NGO VAN XU	D15/15 NGUYEN CUU PHU T15 AP 4	91	11
347	TK3-4	18	20128239175	NGUYEN KIM VAN	D15/16A NGUYEN CUU PHU T15 AP 4	91	11
348	TK3-4	18	20128239170	THIEM THI HUE	D15/14B NGUYEN CUU PHU T15 AP 4	91	11
349	TK3-4	18	20128239169	VO THI HAO	D12/13C1GV NGUYEN CUU PHU T12 AP 4	91	11
350	TK3-4	19	20128239168	UY BAN NHAN DAN XA TAN KIEN (VAN	NGUYEN CUU PHU AP 1	92	31
351	TK3-4	18	20128239167	NGO NGOC DIEU	D15/15D NGUYEN CUU PHU T15 AP 4	91	11
352	TK3-4	18	20128239165	VU NGOC PHU	A12/11A NGUYEN CUU PHU T12A AP 1	91	11
353	TK3-4	20	20128239164	NGUYEN HIEP CHU	A13/18 NGUYEN CUU PHU T13 AP 1	91	11
354	TK3-4	19	20128239161	MAI HUU QUI	893 NGUYEN CUU PHU T10B AP 1	91	11
355	TK3-4	19	20128239160	NGUYEN THI KIM THUY	845 NGUYEN CUU PHU T10B AP 1	91	11
356	TK3-4	18	20128239159	HUYNH DUC THAO TRANG	D17/9A NGUYEN CUU PHU	91	11
357	TK3-4	19	20128239158	LUU VI CUONG	A13/24B NGUYEN CUU PHU T1 AP 1	91	11
358	TK3-4	19	20128239157	NGUYEN QUANG KHAI	50INGUYEN CUU PHU T16 AP 4	91	11
359	TK3-4	18	20128239156	NGUYEN TAN TUYEN	D17/39 NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
360	TK3-4	18	20128239154	NGUYEN TAN TUYEN	D17/20B (626) NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
361	TK3-4	18	20128239153	LAM NGOC ANH	D12/13D NGUYEN CUU PHU T12 AP 4	91	11
362	TK3-4	20	20128238307	KIEU QUOC DINH	A14/8E BA THAO T14 AP 1	91	11
363	TK3-4	19	20128238296	HUYNH VAN TAM	A9/15V BONG VAN DIA T9 AP 1	91	11
364	TK3-4	19	20128238270	LE THI BA	D17/27 BONG VAN DIA T9C AP 1	91	11

365	TK3-4	18	20128238227	LE THI NGOC THAM	A1/6 BONG VAN DIA T9 AP 1	91	11
366	TK3-4	18	20128238201	NGUYEN QUANG VINH	A8/32 BONG VAN DIA T8 AP 1	91	11
367	TK3-4	19	20128238195	VO KIM HOANG	A12/20E BONG VAN DIA T12 AP 1	91	11
368	TK3-4	18	20128238193	NGUYEN THI RUA	A8/29 BONG VAN DIA T8 AP 1	91	11
369	TK3-4	18	20128238191	CHUNG NGOC TAN	A8/31BONG VAN DIA T8A AP 1	91	11
370	TK3-4	18	20128238190	NGUYEN BEN DUNG	A8/31 BONG VAN DIA AP 1	91	11
371	TK3-4	18	20128238189	NGUYEN THI NAM	A8/33 BONG VAN DIA T8 AP 1	91	11
372	TK3-4	18	20128238188	TRAN THI YEN NGOC	A8/33A BONG VAN DIA T8 AP 1	91	11
373	TK3-4	18	20128238187	DAO THI NGOC TRUC	A8/33B BONG VAN DIA T8 AP 1	91	11
374	TK3-4	18	20128238145	KIEU TIEN QUAN	A9/20L1 BONG VAN DIA T9D AP 1	91	11
375	TK3-4	18	20128238143	KIEU QUOC THANH	A9/20M BONG VAN DIA T9 AP 1	91	11
376	TK3-4	18	20128238137	KIEU NGOC DIEP	A9/20L BONG VAN DIA T9D AP 1	91	11
377	TK3-4	20	20128238134	TRAN DIEU KIEN	A15/2 BA THAO AP 1	91	11
378	TK3-4	20	20128238133	PHAN VAN NGAM	A15/1C BA THAO T15 AP 1	91	11
379	TK3-4	20	20128238132	NGUYEN VAN THACH	A15/10 BA THAO AP 1	91	11
380	TK3-4	20	20128238131	VU DUC TINH	A14/7 BA THAO T14 AP 1	91	11
381	TK3-4	20	20128238130	NGUYEN THANH LIEM	A14/8H BA THAO AP 1	91	11
382	TK3-4	20	20128238129	VO THANH LIEM	A14/15A BA THAO T14 AP 1	91	11
383	TK3-4	20	20128238128	DOAN THI BAY	A14/2 BA THAO T14 AP 1	91	11
384	TK3-4	20	20128238127	VU VAN THOAN	A14/7 BA THAO T14 AP 1	91	11
385	TK3-4	20	20128238126	DANG THI TUNG	A14/14 BA THAO T14 AP 1	91	11
386	TK3-4	20	20128238125	HUYNH VAN TIEN	A14/18B BA THAO T14 AP 1	91	11
387	TK3-4	20	20128238124	NGUYEN THANH TOAN	A11/13 (TACH HO) BA THAO AP 1	91	11
388	TK3-4	20	20128238123	HUYNH VAN CHIEN	A14/18A BA THAO T14 AP 1	91	11
389	TK3-4	20	20128238122	HUYNH THI MUA	A14/18 BA THAO T14 AP 1	91	11
390	TK3-4	20	20128238121	VU VAN TUY	A14/7C BA THAO T14 AP 1	91	11
391	TK3-4	20	20128238120	NGUYEN HUNG ANH	A14/5A BA THAO T14 AP 1	91	11
392	TK3-4	20	20128238119	PHAM VAN PHU	A14/4 BA THAO T14 AP 1	91	11
393	TK3-4	20	20128238118	TRAN MINH LAM	A14/3 BA THAO T14 AP 1	91	11
394	TK3-4	20	20128238117	VU VAN HIEN	A14/15B BA THAO T14 AP 1	91	11
395	TK3-4	20	20128238116	NGUYEN VAN SON	A14/5D HEM XI MANG BA THAO AP 1	91	11
396	TK3-4	20	20128238115	LE BA KHOAI	A14/5H1BA THAO T14 AP 1	91	11
397	TK3-4	20	20128238114	NGUYEN VAN DUNG	A14/15H BA THAO T14 AP 1	91	11
398	TK3-4	20	20128238113	TRAN VAN VIET	A14/7B BA THAO AP 1	91	11
399	TK3-4	20	20128238112	HOANG DANG HOC	A14/8 BA THAO AP 1	91	11
400	TK3-4	20	20128238111	TRAN VAN NHO	A15/1A BA THAO T15 AP 1	91	11
401	TK3-4	20	20128238110	HOANG XUAN HOA	A14/5E BA THAO T14 AP 1	91	11
402	TK3-4	20	20128238109	PHAM VAN BAO	A14/6B BA THAO AP 1	91	11

403	TK3-4	20	20128238108	HUYNH THI CUOC	A14/6 BA THAO T14 AP 1	91	11
404	TK3-4	20	20128238107	LA VAN BAC	A14/6A BA THAO T14 AP 1	91	11
405	TK3-4	20	20128238106	CHUNG THI MEO	A14/9 BA THAO T14 AP 1	91	11
406	TK3-4	20	20128238105	CHUNG THANH PHUONG	KHONG SO BA THAO T14 AP 1	91	11
407	TK3-4	18	20128238103	HUYNH VAN TRE	A14/10 BA THAO T14 AP 1	91	11
408	TK3-4	20	20128238102	KIEU QUOC THANG	A14/8B BA THAO T14 AP 1	91	11
409	TK3-4	20	20128238101	TRUONG VAN NGHE	A14/8A BA THAO T14 AP 1	91	11
410	TK3-4	20	20128238100	HUYNH THI MINH NGUYET	A15/2 BA THAO T17 AP 1	91	11
411	TK3-4	20	20128238099	TONG LUU PHUONG	A15 BA THAO T17 AP 1	91	11
412	TK3-4	20	20128238098	NGUYEN THI HUONG	A15/3 BA THAO T15 AP 1	91	11
413	TK3-4	20	20128238097	HUYNH THI MAI	A15/3A BA THAO T15 AP 1	91	11
414	TK3-4	20	20128238096	NGUYEN THANH LAM	A15/2 BA THAO T15 AP 1	91	11
415	TK3-4	20	20128238095	NGO XUAN KHANH	A15/2B BA THAO T15 AP 1	91	11
416	TK3-4	20	20128238094	NGUYEN THANH NAM	KE A15/2 BA THAO T15 AP 1	91	11
417	TK3-4	20	20128238093	NGUYEN THANH TRUNG HIEU	A15/2C BA THAO T15 AP 1	91	11
418	TK3-4	20	20128238092	NGUYEN QUOC VIET	A15/2A BA THAO T15 AP 1	91	11
419	TK3-4	20	20128238091	HUYNH THI MY LE	A14/18E BA THAO T14 AP 1	91	11
420	TK3-4	20	20128238090	HUYNH VAN CHUONG	A14/18C BA THAO T14 AP 1	91	11
421	TK3-4	20	20128238089	PHAM TAN PHAT	A14/17B BA THAO T14 AP 1	91	11
422	TK3-4	20	20128238088	NGO THI CHAP	A14/17 BA THAO T14 AP 1	91	11
423	TK3-4	20	20128238087	HOANG DANG QUY	A14/15F BA THAO T14 AP 1	91	11
424	TK3-4	20	20128238086	NGUYEN VIET BINH	A14/15FA1 BA THAO T14 AP 1	91	11
425	TK3-4	20	20128238085	LE HUU MINH	A14/16A BA THAO T14 AP 1	91	11
426	TK3-4	20	20128238084	PHAN DANG THIEN AN	A14/16C BA THAO T14 AP 1	91	11
427	TK3-4	20	20128238083	NGUYEN VAN SAO	A14/16G BA THAO AP 1	91	11
428	TK3-4	20	20128238082	TONG VAN HAI	A14/16D BA THAO T14 AP 1	91	11
429	TK3-4	20	20128238081	HUYNH THI BAY	A14/11 BA THAO T14 AP 1	91	11
430	TK3-4	20	20128238080	PHAM NGOC TUONG VI	A14/16B BA THAO T14 AP 1	91	11
431	TK3-4	20	20128238079	NGUYEN VAN PHU	A14/15 BA THAO AP 1	91	11
432	TK3-4	20	20128238078	NGUYEN VAN SANG	A14/12 BA THAO T14 AP 1	91	11
433	TK3-4	20	20128238077	TRAN THI THU NGA	A14/13A BA THAO T14 AP 1	91	11
434	TK3-4	20	20128238076	HUYNH BA THAO	A14/10A BA THAO T14 AP 1	91	11
435	TK3-4	20	20128238075	NGUYEN THI BICH THAO	A14/10B BA THAO T14 AP 1	91	11
436	TK3-4	20	20128238074	PHAN THI BE	A14/13C BA THAO T14 AP 1	91	11
437	TK3-4	20	20128238073	TRUONG NGOC HIEP	A14/13B BA THAO T14 AP 1	91	11
438	TK3-4	20	20128238072	TRAN NGOC CHI	A14/13 BA THAO T14 AP 1	91	11
439	TK3-4	20	20128238071	NGUYEN VAN VINH	A14/10C BA THAO T14 AP 1	91	11
440	TK3-4	20	20128238070	NGUYEN THANH QUANG	A15/9B BA THAO T15 AP 1	91	11

441	TK3-4	20	20128238069	NGUYEN TAN TRUNG	A15/9A BA THAO T15 AP 1	91	11
442	TK3-4	20	20128238068	TRAN THANH TANH	KE A15/11C (THUA 60) BA THAO AP 1	91	11
443	TK3-4	20	20128238067	NGUYEN THANH DAT	A15/7B BA THAO AP 1	91	11
444	TK3-4	20	20128238066	NGUYEN VAN MAI	A15/7 BA THAO AP 1	91	11
445	TK3-4	20	20128238065	NGUYEN NGOC HUNG	A15/5 BA THAO T15 AP 1	91	11
446	TK3-4	20	20128238064	NGUYEN VAN KHOI	A15/6 BA THAO T15 AP 1	91	11
447	TK3-4	20	20128238063	VAN CHANH	A15/1D BA THAO T15 AP 1	91	11
448	TK3-4	20	20128238062	NGUYEN THANH HAI	A15/1BA THAO T15 AP 1	91	11
449	TK3-4	20	20128238061	NGUYEN THI KIM XUAN	A15/2M BA THAO AP 1	91	11
450	TK3-4	20	20128238060	PHAM THI THU	A15/1D BA THAO AP 1	91	11
451	TK3-4	20	20128238059	NGUYEN THI UT	A15/8 BA THAO AP 1	91	11
452	TK3-4	20	20128238058	VO THI THUY DIEM	SO NHA A15/1F BA THAO T15 AP 1	91	11
453	TK3-4	20	20128238057	TRAN KIM TIEN	A9/15R BA THAO T9 AP 1	91	11
454	TK3-4	20	20128238056	KIEU CONG PHUC	A14/8 BA THAO T14 AP 1	91	11
455	TK3-4	20	20128238055	PHAN THI KIM PHUONG	A14/8P BA THAO T14 AP 1	91	11
456	TK3-4	20	20128238054	LE VAN LO	A13/20 BA THAO AP 1	91	11
457	TK3-4	20	20128238053	KIEU CONG LIEN	A14/8D BA THAO T14 AP 1	91	11
458	TK3-4	20	20128238052	KIEU THI TUYET HOA	A14/2A BA THAO T14 AP 1	91	11
459	TK3-4	20	20128238051	NGUYEN VAN BAY	A14/16 BA THAO T14 AP 1	91	11
460	TK3-4	20	20128238050	KIEU CONG PHU	A14/1 BA THAO T14 AP 1	91	11
461	TK3-4	20	20128238049	LAM TRI LAP	A14/18D BA THAO T14 AP 1	91	11
462	TK3-4	20	20128238048	VO THI THANH LAN	A13/35 BA THAO T13 AP 1	91	11
463	TK3-4	20	20128238047	KIEU PHAT TRUYEN	A13/34 BA THAO T13 AP 1	91	11
464	TK3-4	20	20128238046	PHAM VAN THOM	A13/33 BA THAO T13 AP 1	91	11
465	TK3-4	20	20128238045	PHAM THI TROM	A13/32 BA THAO T13 AP 1	91	11
466	TK3-4	20	20128238044	PHAM TRUONG CHINH	A13/33A BA THAO T13 AP 1	91	11
467	TK3-4	20	20128238011	NGUYEN THI KIM OANH	A15/11C XOM HO T15 AP 4	91	11
468	TK3-4	19	20128237997	TRAN THANH LINH	D19/18H XOM HO T19A AP 4	91	11
469	TK3-4	20	20128237987	LE MINH TUAN	D19/8B1 XOM HO T19A AP 4	91	11
470	TK3-4	18	20128237985	NGUYEN THI NGOC THU	A10/15C NGUYEN CUU PHU T19A AP 4	91	11
471	TK3-4	19	20128237970	NGUYEN VAN TU	A9/15Z4 XOM HO T9 AP 4	91	11
472	TK3-4	20	20128237962	VU VAN LAM	D18/15A XOM HO AP 4	91	11
473	TK3-4	19	20128237946	NGUYEN THANH BINH	841 NGUYEN CUU PHU T10 AP 4	91	11
474	TK3-4	19	20128237862	TRAN VAN THANH	B9/26A NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
475	TK3-4	19	20128237861	NGUYEN THI KIM	A13/28A NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
476	TK3-4	19	20128237858	TRAN VAN THANH	924 NGUYEN CUU PHU T10 AP 1	91	11
477	TK3-4	18	20128237855	NGUYEN THI TUYET NHUNG	A8/33C NGUYEN CUU PHU T8BAP 1	91	11
478	TK3-4	19	20128237854	TRUONG TUYET MAI	853 NGUYEN CUU PHU T10BAP 1	91	11

479	TK3-4	19	20128237853	TRUONG TUYET MAI	847 NGUYEN CUU PHU T10BAP 1	91	11
480	TK3-4	19	20128237852	TRUONG TUYET MAI	849 NGUYEN CUU PHU T10BAP 1	91	11
481	TK3-4	19	20128237851	TRAN THI MAI TRINH	A10/28D KE A10INGUYEN CUU PHU T10 AP 1	91	11
482	TK3-4	19	20128237850	TRAN THI THU TRINH	A10/28E KE A101 NGUYEN CUU PHU T10 AP 1	91	11
483	TK3-4	19	20128237849	TRAN THI THU TRINH	A10/1F KE A101 NGUYEN CUU PHU T10 AP 1	91	11
484	TK3-4	19	20128237848	HUYNH THAI YEN	A13/7B NGUYEN CUU PHU T13A AP 1	91	11
485	TK3-4	19	20128237847	NGUYEN VAN HOA	945 NGUYEN CUU PHU	91	11
486	TK3-4	19	20128237845	KIEU TAN MUON	A11/8 NGUYEN CUU PHU T11 AP 1	91	11
487	TK3-4	19	20128237843	HUYNH VAN VANG	749 NGUYEN CUU PHU T13A AP 1	91	11
488	TK3-4	19	20128237842	MAI THANH CAN	834 NGUYEN CUU PHU T10 AP 1	91	11
489	TK3-4	18	20128237841	LAM THI THUY TRANG	A10/29E NGUYEN CUU PHUAP 1	91	11
490	TK3-4	19	20128237840	HO VAN HIEU	889 NGUYEN CUU PHU T10B AP 1	91	11
491	TK3-4	19	20128237838	NGUYEN VAN LOT	A13/28B NGUYEN CUU PHU T13 AP 1	91	11
492	TK3-4	19	20128237837	NGUYEN CHUNG ANH	A13/28C NGUYEN CUU PHU T13 AP 1	91	11
493	TK3-4	19	20128237836	NGUYEN THANH HONG	A13/30 NGUYEN CUU PHU T13 AP 1	91	11
494	TK3-4	19	20128237835	PHAM QUOC VIET	A13/21B NGUYEN CUU PHU T13 AP 1	91	11
495	TK3-4	19	20128237834	NGUYEN THI HAI	A13/21NGUYEN CUU PHU T13 AP 1	91	11
496	TK3-4	19	20128237833	PHAM TRI DUNG	A13/21A NGUYEN CUU PHU T13 AP 1	91	11
497	TK3-4	19	20128237832	NGUYEN VAN DUONG	A13/28 NGUYEN CUU PHU T13 AP 1	91	11
498	TK3-4	19	20128237831	NGUYEN NGOC TAN	A13/22 NGUYEN CUU PHU T13 AP 1	91	11
499	TK3-4	19	20128237830	NGUYEN THANH DAU	A13/31NGUYEN CUU PHU T13 AP 1	91	11
500	TK3-4	19	20128237829	NGUYEN DUY KHANH	A13/31A NGUYEN CUU PHU T13A AP 1	91	11
501	TK3-4	20	20128237828	TRAN MINH TAM	959 NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
502	TK3-4	18	20128237827	HUYNH THI SAU	A12/5 NGUYEN CUU PHU T12A AP 1	91	11
503	TK3-4	18	20128237826	NGUYEN THUY LAN	A12/5A NGUYEN CUU PHU T12A AP 1	91	11
504	TK3-4	18	20128237824	NGUYEN THI KIM PHUONG	A12/12A NGUYEN CUU PHU T12A AP 1	91	11
505	TK3-4	19	20128237823	HUYNH VAN DEN	A13/4 NGUYEN CUU PHU T13A AP 1	91	11
506	TK3-4	19	20128237821	PHAM VAN DIEN	841NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
507	TK3-4	19	20128237820	NGUYEN THI SAU	A13/2 NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
508	TK3-4	19	20128237819	HUYNH THAI TOAN	A13/7 NGUYEN CUU PHU T13A AP 1	91	11
509	TK3-4	18	20128237818	KIEU QUOC HUNG	A10/14 NGUYEN CUU PHU T10 AP 1	91	11
510	TK3-4	19	20128237816	KIEU THI BA	903 NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
511	TK3-4	19	20128237815	HUYNH THI NGOC TUYET	A10/7C NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
512	TK3-4	19	20128237814	HUYNH THI HOANG CAM	A10/7E NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
513	TK3-4	19	20128237813	HUYNH THI NGOC TUYET	A10/7I NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
514	TK3-4	19	20128237811	NGUYEN KE TUAN	925 NGUYEN CUU PHUAP 1	91	11
515	TK3-4	19	20128237810	THAI THI TRANG	A11/29 (1058) NGUYEN CUU PHU T11 AP 1	91	11
516	TK3-4	19	20128237809	THAI THI MINH HOANG	A11/7 NGUYEN CUU PHU T11 AP 1	91	11

517	TK3-4	19	20128237808	NGUYEN QUOC TUYEN	A12/18 NGUYEN CUU PHU T12AP 1	91	11
518	TK3-4	18	20128237807	PHAM THI THANH LOAN	1013 NGUYEN CUU PHU T9 AP 1	91	11
519	TK3-4	19	20128237806	NGUYEN THU MAI	857 NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
520	TK3-4	19	20128237805	PHAN CUONG	A10/6C NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
521	TK3-4	19	20128237804	KIEU THI DIEM TRANG	A10/8B NGUYEN CUU PHU T10 AP 1	91	11
522	TK3-4	19	20128237803	KIEU TONG LAM	869 NGUYEN CUU PHU T10 AP 1	91	11
523	TK3-4	19	20128237801	NGUYEN THANH QUAN	1004 NGUYEN CUU PHU T11 AP 1	91	11
524	TK3-4	18	20128237800	PHAN HOANG NHAT	768 NGUYEN CUU PHU T12A AP 1	91	11
525	TK3-4	18	20128237799	PHAN VAN TUAN	A12/3B NGUYEN CUU PHU T12A AP 1	91	11
526	TK3-4	19	20128237798	TRAN LE THANH THUY	785 (A13/10) NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
527	TK3-4	19	20128237797	HUYNH MINH DIEN	A11/4C NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
528	TK3-4	19	20128237796	LE MINH PHUONG	775 NGUYEN CUU PHU T13 AP 1	91	11
529	TK3-4	19	20128237795	NGUYEN THI GAI	A13/3A NGUYEN CUU PHU T13 AP 1	91	11
530	TK3-4	19	20128237794	NGUYEN THI LUN	A13/3 NGUYEN CUU PHU T13A AP 1	91	11
531	TK3-4	19	20128237793	TRAN THI HOA	A13/1E NGUYEN CUU PHU T13A AP 1	91	11
532	TK3-4	19	20128237792	TRAN THI THANH MAI	771 NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
533	TK3-4	19	20128237791	LE MINH QUAN	A13/1C NGUYEN CUU PHU T13A AP 1	91	11
534	TK3-4	19	20128237790	LE THI KIM MAI	773 NGUYEN CUU PHU	91	11
535	TK3-4	19	20128237789	LE THI Y	A13/1 NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
536	TK3-4	18	20128237788	TRAN THI KIM TUYEN	D17/11C NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
537	TK3-4	18	20128237787	LAM HONG SON	D17/16A NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
538	TK3-4	18	20128237785	LE CONG DAM	D17/3 NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
539	TK3-4	18	20128237784	NGUYEN VAN TIN	D17/23 NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
540	TK3-4	18	20128237783	KIEU THI LAN CHI	D17/2B NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
541	TK3-4	18	20128237781	NGUYEN TAN DONG	D17/2A NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
542	TK3-4	19	20128237780	NGUY MY PHUOC	D17/2B NGUYEN CUU PHU T17 AP 4	91	11
543	TK3-4	19	20128237778	NGUYEN THI PHUONG	503 NGUYEN CUU PHU T16 AP 4	91	11
544	TK3-4	19	20128237777	NGUYEN HUU LUAT	499 NGUYEN CUU PHU T16 AP 4	91	11
545	TK3-4	19	20128237776	NGUYEN HUU DANH	497 NGUYEN CUU PHU T16 AP 4	91	11
546	TK3-4	19	20128237775	NGUYEN THI KIM DUYEN	505 NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
547	TK3-4	19	20128237773	NGUYEN HONG THAI	359 NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
548	TK3-4	19	20128237772	LE THI CUC	D16/20 NGUYEN CUU PHU T16 AP 4	91	11
549	TK3-4	19	20128237771	NGUYEN VAN LE	D16/14 NGUYEN CUU PHU T16 AP 4	91	11
550	TK3-4	19	20128237770	NGUYEN MINH QUANG	D16/8 NGUYEN CUU PHU T16 AP 4	91	11
551	TK3-4	19	20128237769	CONG TY TNHH THUONG MAI-SAN XUA	379 NGUYEN CUU PHU AP 4	93	32
552	TK3-4	18	20128237768	LUU VAN MINH	D16/25D NGUYEN CUU PHU T16 AP 4	91	11
553	TK3-4	18	20128237767	DINH CONG DUNG	D16/25A NGUYEN CUU PHU T16 AP 4	91	11
554	TK3-4	19	20128237766	NGUYEN KIM KHANH	D16/19 NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11

555	TK3-4	19	20128237765	NGUYEN THI BA	D16/13A NGUYEN CUU PHUT16 AP 4	91	11
556	TK3-4	19	20128237764	HA VAN HOANG VIET	349 NGUYEN CUU PHUT16 AP 4	91	11
557	TK3-4	19	20128237763	DANG THI BE	D16/1A NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
558	TK3-4	19	20128237762	NGUYEN VAN KHUAN	D16/30E NGUYEN CUU PHUT16 AP 4	91	11
559	TK3-4	18	20128237761	TRAN THUY NHA TRUC	D16/26F NGUYEN CUU PHUT16 AP 4	91	11
560	TK3-4	18	20128237760	NGUYEN THI PHUONG	D16/26D NGUYEN CUU PHUT16 AP 4	91	11
561	TK3-4	19	20128237759	NGUYEN THI MINH PHUONG	367 (16/8) NGUYEN CUU PHUT14 AP 4	91	11
562	TK3-4	19	20128237758	TRAN THI HONG SUONG	361 (D16/8E) NGUYEN CUU PHUT16 AP 4	91	11
563	TK3-4	19	20128237757	NGUYEN MINH QUANG	D16/8 NGUYEN CUU PHUT16 AP 4	91	11
564	TK3-4	19	20128237756	NGUYEN ANH KHOA	D16/8C NGUYEN CUU PHUT16 AP 4	91	11
565	TK3-4	19	20128237755	NGUYEN THI MINH CHAU	D16/8 NGUYEN CUU PHUT14 AP 4	91	11
566	TK3-4	19	20128237754	NGUYEN THI PHUONG ANH	369(16/8F) NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
567	TK3-4	18	20128237752	VO THI HOANG YEN	D15/26F NGUYEN CUU PHUTO 15 AP4	91	11
568	TK3-4	19	20128237750	NGUYEN THI YEN	D15/16 NGUYEN CUU PHUTO 15 AP4	91	11
569	TK3-4	18	20128237747	VU VAN DUNG	542 NGUYEN CUU PHU AP4	91	11
570	TK3-4	18	20128237745	LE QUOC TUNG	D15/17A NGUYEN CUU PHUTO 15 AP4	91	11
571	TK3-4	18	20128237744	NGUYEN THANH NAM	D15/16 NGUYEN CUU PHUTO 15 AP4	91	11
572	TK3-4	19	20128237743	LE HOANG DUNG	D15/26F NGUYEN CUU PHUTO 15 AP4	91	11
573	TK3-4	19	20128237742	HA THI KIM LOAN	345 NGUYEN CUU PHUTO 15 AP4	91	11
574	TK3-4	18	20128237741	NGUYEN THI NU	D15/18 NGUYEN CUU PHUTO 15 AP4	91	11
575	TK3-4	19	20128237740	NGUYEN THI XUAN TRANG	D14/5A NGUYEN CUU PHUTO 14 AP4	91	11
576	TK3-4	18	20128237738	PHAM TUYET NGOC	D17/20 TO 17 AP4	91	11
577	TK3-4	18	20128237737	PHAM THI NGOC THACH	D12/14A NGUYEN CUU PHU TO 12 AP4	91	11
578	TK3-4	18	20128237736	NGUYEN VAN THANH	D12/13A NGUYEN CUU PHU AP4	91	11
579	TK3-4	18	20128237735	NGUYEN THI THUY LIEN	D12/13C NGUYEN CUU PHU AP4	91	11
580	TK3-4	18	20128237734	NGUYEN VAN BAY	D12/14 NGUYEN CUU PHUTO 12 AP4	91	11
581	TK3-4	18	20128237733	NGUYEN TAN MY	KE D12/14 NGUYEN CUU PHUTO 12 AP4	91	11
582	TK3-4	18	20128237732	NGUYEN VAN TIEN	D12/14D NGUYEN CUU PHUTO D12 AP4	91	11
583	TK3-4	18	20128237730	KIEU CHAU THIEN	A9/20X NGUYEN CUU PHU AP1	91	11
584	TK3-4	18	20128237729	DOAN THI MINH HUONG	1015 NGUYEN CUU PHU AP1	91	11
585	TK3-4	18	20128237728	LE NHU THUONG	1011NGUYEN CUU PHU AP1	91	11
586	TK3-4	18	20128237727	HO THI CHUC	1009 NGUYEN CUU PHU AP1	91	11
587	TK3-4	18	20128237726	TRUONG CAM GIANG	1001 NGUYEN CUU PHUT9D AP1	91	11
588	TK3-4	18	20128237725	NGUYEN VAN OANH	A9/20B NGUYEN CUU PHUT9D AP1	91	11
589	TK3-4	18	20128237724	NGUYEN VAN DOAN	A9/20C NGUYEN CUU PHUT9D AP1	91	11
590	TK3-4	18	20128237723	NGUYEN VO BINH	981NGUYEN CUU PHU AP1	91	11
591	TK3-4	19	20128237722	KIEU KIM QUANG	963 NGUYEN CUU PHU AP1	91	11
592	TK3-4	19	20128237721	HA THI PHUONG KHANH	955 NGUYEN CUU PHUT10 AP1	91	11

593	TK3-4	19	20128237720	KIEU THI CHINH	A10/3 NGUYEN CUU PHUT10 AP1	91	11
594	TK3-4	19	20128237718	TRAN KIM PHUNG	A10/3C NGUYEN CUU PHUT10 AP1	91	11
595	TK3-4	19	20128237717	KHUU HAN NGHIA	A10/3K NGUYEN CUU PHU AP1	91	11
596	TK3-4	19	20128237716	DANG THI KIM DUNG	A10/3E NGUYEN CUU PHUT10 AP1	91	11
597	TK3-4	19	20128237715	NGUYEN VAN THAO	947 NGUYEN CUU PHU AP1	91	11
598	TK3-4	19	20128237714	DANG VAN CHANG	A10/3 NGUYEN CUU PHUT10 AP1	91	11
599	TK3-4	19	20128237713	LU TUONG TRUNG	941NGUYEN CUU PHUT10B AP1	91	11
600	TK3-4	19	20128237712	PHAN VAN SON	927 NGUYEN CUU PHUT10 AP1	91	11
601	TK3-4	19	20128237711	NGUYEN MINH HUNG	915 NGUYEN CUU PHUT10 AP1	91	11
602	TK3-4	19	20128237710	NGUYEN TIEN	A10/8H NGUYEN CUU PHUT10 AP1	91	11
603	TK3-4	19	20128237709	PHAN VAN HUNG	A10/9 NGUYEN CUU PHUT10 AP1	91	11
604	TK3-4	19	20128237708	TRAN QUANG GIANG	A10/8K NGUYEN CUU PHU AP1	91	11
605	TK3-4	19	20128237707	NGUYEN VAN LAM	A10/8N NGUYEN CUU PHU T10B AP1	91	11
606	TK3-4	19	20128237706	DOAN THANH HUNG	A10/7M NGUYEN CUU PHU AP1	91	11
607	TK3-4	19	20128237705	DANG NGUYEN HAI THANH	A10/8G NGUYEN CUU PHUT10 AP1	91	11
608	TK3-4	19	20128237704	PHUNG ANH TU	A10/7K NGUYEN CUU PHU AP1	91	11
609	TK3-4	19	20128237703	DOAN THANH PHUNG	A10/8H1NGUYEN CUU PHU AP1	91	11
610	TK3-4	19	20128237702	VO VAN UT	A10/5 NGUYEN CUU PHUT10 AP1	91	11
611	TK3-4	19	20128237701	VO ANH DUNG	A10/8H NGUYEN CUU PHUT10 AP1	91	11
612	TK3-4	19	20128237700	NGUYEN NGOC NGHIEP	A10/8N NGUYEN CUU PHUT10 AP1	91	11
613	TK3-4	19	20128237699	LE HUU NGHIA	A13/14B NGUYEN CUU PHUT13A AP1	91	11
614	TK3-4	19	20128237698	LE HUU LUONG	A13/14A NGUYEN CUU PHU AP1	91	11
615	TK3-4	19	20128237697	NGUYEN THI LANG	A13/14 NGUYEN CUU PHUT13A AP1	91	11
616	TK3-4	19	20128237696	LE HUU NGHI	A13/14C NGUYEN CUU PHUT13 AP1	91	11
617	TK3-4	19	20128237695	NGUYEN HUNG TIN	A13/14T NGUYEN CUU PHUT13A AP1	91	11
618	TK3-4	19	20128237694	LE HUU HIEN	A13/14E NGUYEN CUU PHUT13A AP1	91	11
619	TK3-4	19	20128237693	LE THI MINH CHINH	A13/14I NGUYEN CUU PHUT13 AP1	91	11
620	TK3-4	19	20128237692	LE THI BA	A13/14G NGUYEN CUU PHUT13 AP1	91	11
621	TK3-4	19	20128237691	LE THI MINH THU	A13/14H NGUYEN CUU PHUT13 AP1	91	11
622	TK3-4	19	20128237690	LE THI VAN	A13/23 NGUYEN CUU PHUT13 AP1	91	11
623	TK3-4	19	20128237689	LE THI VAN	731 NGUYEN CUU PHUT13 AP1	91	11
624	TK3-4	19	20128237688	LE THI KIM THANH	A13/23B NGUYEN CUU PHUT13 AP1	91	11
625	TK3-4	19	20128237687	LE THI BA	A13/15 NGUYEN CUU PHUT13A AP1	91	11
626	TK3-4	19	20128237686	NGUYEN THANH BAY	A13/16 NGUYEN CUU PHUT13A AP1	91	11
627	TK3-4	19	20128237685	VO DINH THUAN	A13/17A NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
628	TK3-4	19	20128237684	HUA THI MONG NHUNG	A13/17D NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
629	TK3-4	19	20128237683	LE ANH HOANG	D16/17 NGUYEN CUU PHU TO 16 AP 4	91	11
630	TK3-4	19	20128237682	PHAM THI NGUYET	D16/20D NGUYEN CUU PHU TO 16 AP 4	91	11

631	TK3-4	19	20128237681	NGUYEN MINH TANH	D16/30 NGUYEN CUU PHU TO 16 AP 4	91	11
632	TK3-4	19	20128237680	PHAM VAN DOANH	D15/26E NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
633	TK3-4	19	20128237679	LE VAN NGAY	D16/18NGUYEN CUU PHU TO 16 AP 4	91	11
634	TK3-4	18	20128237678	PHAN MINH PHUNG	KE D16/26F NGUYEN CUU PHU TO 16 AP 4	91	11
635	TK3-4	19	20128237677	HA THI TUYET NHUNG	D15/26B NGUYEN CUU PHU TO 15 AP 4	91	11
636	TK3-4	19	20128237676	HA THI TUYET NGA	331 AP 4	91	11
637	TK3-4	19	20128237675	HA THI TUYET ANH	D15/6 NGUYEN CUU PHU TO 15 AP 4	91	11
638	TK3-4	19	20128237669	KIEU CONG LUAN	A10/4 NGUYEN CUU PHU TO 1 AP 1	91	11
639	TK3-4	19	20128237668	NGUYEN TAN TRUNG	A10/8Y NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
640	TK3-4	19	20128237667	CAO MINH ANH	A10/8G NGUYEN CUU PHU TO 1 AP 1	91	11
641	TK3-4	19	20128237666	HUYNH VAN ANH	A13/24 NGUYEN CUU PHU TO 13 AP 1	91	11
642	TK3-4	19	20128237665	NGUYEN HUYNH MY HANH	A13/10 DUONG DAT T13A AP 1	91	11
643	TK3-4	19	20128237664	NGUYEN THI BE	A13/27 NGUYEN CUU PHU TO 13 AP 1	91	11
644	TK3-4	19	20128237663	VO VAN EM	A13/12 NGUYEN CUU PHU TO 13A AP 1	91	11
645	TK3-4	19	20128237662	HUYNH NGOC TAM	A13/11 NGUYEN CUU PHU TO 13A AP 1	91	11
646	TK3-4	19	20128237661	HUYNH NGOC LANG	A10/20 (A13/13B) NGUYEN CUU PHU TO 13A AP 1	91	11
647	TK3-4	19	20128237660	HUYNH KIM HOA	A13/13 NGUYEN CUU PHU TO 13A AP 1	91	11
648	TK3-4	19	20128237659	HUYNH NGOC TUNG	A13/11 NGUYEN CUU PHU TO 13A AP 1	91	11
649	TK3-4	19	20128237658	VO VAN TINH	A13/12 NGUYEN CUU PHU TO 13A AP 1	91	11
650	TK3-4	19	20128237657	LAM VAN THUONG	A13/10A NGUYEN CUU PHU TO 13A AP 1	91	11
651	TK3-4	19	20128237656	HUYNH HUU SANG	A13/9B NGUYEN CUU PHU TO 13A AP 1	91	11
652	TK3-4	19	20128237655	HUYNH THI KIM HONG	A13/9 NGUYEN CUU PHU TO 13A AP 1	91	11
653	TK3-4	19	20128237654	HUYNH VAN THE	A13/9 NGUYEN CUU PHU TO 13A AP 1	91	11
654	TK3-4	19	20128237653	HUYNH THI KIM ANH	A13/9A NGUYEN CUU PHU TO 13A AP 1	91	11
655	TK3-4	19	20128237652	PHAM VAN TRIEN	A13/8 NGUYEN CUU PHU TO 13A AP 1	91	11
656	TK3-4	19	20128237651	LE THI TRO	A13/26 NGUYEN CUU PHU TO 13B AP 1	91	11
657	TK3-4	19	20128237650	PHAM VAN QUANG	A13/25 NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
658	TK3-4	19	20128237649	KIEU THI ANH DAO	A13/6A NGUYEN CUU PHU TO A13 AP 1	91	11
659	TK3-4	19	20128237648	NGUYEN THI MAI	A13/6 NGUYEN CUU PHU TO A13 AP 1	91	11
660	TK3-4	19	20128237647	KIEU HOANG QUAN	A13/5 NGUYEN CUU PHU TO A13 AP 1	91	11
661	TK3-4	19	20128237627	PHAN VAN LOI	A10/25 NGUYEN CUU PHU T10 AP 1	91	11
662	TK3-4	18	20128237603	TRAN THAI BINH	844 NGUYEN CUU PHU T10 AP 1	91	11
663	TK3-4	18	20128237602	NGUYEN NAM	842 NGUYEN CUU PHU T10 AP 1	91	11
664	TK3-4	18	20128237601	NGUYEN KIM HANG	838 NGUYEN CUU PHU T10A	91	11
665	TK3-4	18	20128237600	NGO MINH SANG	836 NGUYEN CUU PHU	91	11
666	TK3-4	18	20128237599	VO XUAN CAN	A10/15A NGUYEN CUU PHU T10 AP 1	91	11
667	TK3-4	19	20128237598	TRAN THI THUY TRANG	A10/8G NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
668	TK3-4	18	20128237597	NGO THI PHAN	824 NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11

669	TK3-4	18	20128237596	TRUONG VAN HUNG	A10/11A NGUYEN CUU PHU T10 AP 1	91	11
670	TK3-4	18	20128237595	KIEU CONG HUU	824 NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
671	TK3-4	18	20128237594	LUONG MY PHUONG	A10/15B NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
672	TK3-4	18	20128237593	NGUYEN THI NGOC THU	A10/15C NGUYEN CUU PHU T10 AP 1	91	11
673	TK3-4	19	20128237592	TRAN THI TUYET	814 NGUYEN CUU PHU T10 AP 1	91	11
674	TK3-4	18	20128237591	PHAN VAN TU	766 NGUYEN CUU PHU T12A AP 1	91	11
675	TK3-4	18	20128237590	PHAN THI HONG HOA	A12/2 NGUYEN CUU PHU T12A AP 1	91	11
676	TK3-4	18	20128237589	PHAN THI KIM MAI	A12/3A T12 AP 1	91	11
677	TK3-4	18	20128237588	PHAN VAN KINH	A12/3 NGUYEN CUU PHU T12A AP 1	91	11
678	TK3-4	19	20128237587	NGUYEN THAI HOA	A10/8L NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
679	TK3-4	19	20128237585	NGUYEN HOANG NHAN	KE A10/26C T10A AP 1	91	11
680	TK3-4	19	20128237584	LE THANH LUAN	A13/1F T13 AP 1	91	11
681	TK3-4	19	20128237583	NGUYEN KIM THUY	D12/14B NGUYEN CUU PHU T12 AP 4	91	11
682	TK3-4	19	20128237582	VU VAN THOAN	839 NGUYEN CUU PHU AP 1	91	11
683	TK3-4	18	20128237577	LE THI NGOC NGA	A12/4 NGUYEN CUU PHU T12A AP 1	91	11
684	TK3-4	18	20128237576	PHAN VAN MANH	A12/4A NGUYEN CUU PHU T12A AP 1	91	11
685	TK3-4	18	20128237575	CHUNG THI MY HONG	A12/4B NGUYEN CUU PHU T12A AP 1	91	11
686	TK3-4	18	20128237574	NGUYEN THI BAY	A12/6 NGUYEN CUU PHU T12A AP 1	91	11
687	TK3-4	18	20128237573	LE HOANG DUNG	A12/6A NGUYEN CUU PHU T12A AP 1	91	11
688	TK3-4	18	20128237572	LE HOANG TRUNG	A12/6B NGUYEN CUU PHU T12A AP 1	91	11
689	TK3-4	18	20128237571	KIEU MINH THONG	A12/6C NGUYEN CUU PHU T12A AP 1	91	11
690	TK3-4	18	20128237570	KIEU PHUONG VAN	A12/4P NGUYEN CUU PHU T12A AP 1	91	11
691	TK3-4	18	20128237569	CAO NGOC XINH	A12/7 NGUYEN CUU PHU T12A AP 1	91	11
692	TK3-4	18	20128237568	NGUYEN THI MINH SANG	A12/7A NGUYEN CUU PHU T12A AP 1	91	11
693	TK3-4	18	20128237567	VO VAN HAI	A12/8A NGUYEN CUU PHU T12A AP 1	91	11
694	TK3-4	18	20128237566	VO VAN TRONG	A12/8 NGUYEN CUU PHU T12A AP 1	91	11
695	TK3-4	18	20128237565	TRUONG THI NGOC MAI	A12/9 NGUYEN CUU PHU T12A AP 1	91	11
696	TK3-4	18	20128237564	HUYNH THI UT	A12/10 NGUYEN CUU PHU T12A AP 1	91	11
697	TK3-4	18	20128237563	NGUYEN THI CHINH	A12/12H NGUYEN CUU PHU T12A AP 1	91	11
698	TK3-4	18	20128237562	NGUYEN MINH NGHI	A12/12B NGUYEN CUU PHU T12A AP 1	91	11
699	TK3-4	19	20128237561	NGUYEN THI HUE	A13/10B NGUYEN CUU PHU T12A AP 1	91	11
700	TK3-4	18	20128237560	PHAM THI MOI	A12/11 NGUYEN CUU PHU T12A AP 1	91	11
701	TK3-4	18	20128237559	VU NGOC QUANG	A12/11B NGUYEN CUU PHU T12A AP 1	91	11
702	TK3-4	18	20128237558	VU THI KIM HOA	A12/11C NGUYEN CUU PHU T12A AP 1	91	11
703	TK3-4	18	20128237557	NGUYEN PHAT XUONG	700 NGUYEN CUU PHU T12A AP 1	91	11
704	TK3-4	18	20128237556	NGUYEN QUOC TUAN	A12/13 NGUYEN CUU PHU T12A AP 1	91	11
705	TK3-4	18	20128237555	NGUYEN HUE TUYEN	664 NGUYEN CUU PHU T12A AP 1	91	11
706	TK3-4	18	20128237554	NGUYEN TRONG TUYEN	658 (D17/24) NGUYEN CUU PHU T17 AP 4	91	11

707	TK3-4	18	20128237553	PHAM NGOC MAI	644 NGUYEN CUU PHU T12 AP 1	91	11
708	TK3-4	18	20128237552	CHAU PHUOC LOC	D17/28 NGUYEN CUU PHU T17 AP 4	91	11
709	TK3-4	18	20128237551	TRAN THI KIEN	D17/21 NGUYEN CUU PHU T17 AP 4	91	11
710	TK3-4	18	20128237550	CHAU VAN HAI	D17/28 NGUYEN CUU PHU T17 AP 4	91	11
711	TK3-4	18	20128237549	CHAU PHUOC TRI	D17/28 NGUYEN CUU PHU T17 AP 4	91	11
712	TK3-4	18	20128237548	NGUYEN THI CHUYEN	D17/22 NGUYEN CUU PHU T17 AP 4	91	11
713	TK3-4	18	20128237547	PHAN THI HIEU THIEN	D17/23 NGUYEN CUU PHU T17 AP 4	91	11
714	TK3-4	18	20128237546	PHAM NGOC TUAN	D17/18A NGUYEN CUU PHU T17 AP 4	91	11
715	TK3-4	18	20128237545	DANG VAN NOI	A3/18 T13 AP 1	91	11
716	TK3-4	18	20128237544	DANG VAN CHIEN	D17/19 NGUYEN CUU PHU T17 AP 4	91	11
717	TK3-4	18	20128237543	DANG THI SAU	D17/8 NGUYEN CUU PHU T17 AP 4	91	11
718	TK3-4	18	20128237542	DUONG HIEN LUONG	KHONG SO NGUYEN CUU PHU T17 AP 4	91	11
719	TK3-4	18	20128237541	NGUYEN HUE TUYEN	A12/15 NGUYEN CUU PHU T17 AP 4	91	11
720	TK3-4	18	20128237540	TRAN VAN RONG	D17/17 NGUYEN CUU PHU T17 AP 4	91	11
721	TK3-4	18	20128237539	TRAN MINH CUOC	D17/17 NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
722	TK3-4	18	20128237538	MAI THI NHUNG	D17/16B NGUYEN CUU PHU T17 AP 4	91	11
723	TK3-4	18	20128237537	NGO VAN VANG	D17/16 (574) NGUYEN CUU PHU T17 AP 4	91	11
724	TK3-4	18	20128237536	PHAN CONG HIEU	D17/10 NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
725	TK3-4	18	20128237535	PHAN THI KIM NGAN	D17/10B NGUYEN CUU PHU T17 AP 4	91	11
726	TK3-4	18	20128237534	LE THI HIEU	D17/10A NGUYEN CUU PHU T17 AP 4	91	11
727	TK3-4	18	20128237533	TRAN MINH QUAN	D17/14 NGUYEN CUU PHU T17 AP 4	91	11
728	TK3-4	18	20128237532	PHAN THANH TAI	D17/13B NGUYEN CUU PHU T17 AP 4	91	11
729	TK3-4	18	20128237531	PHAN THANH TRUNG	D17/13 NGUYEN CUU PHU T17 AP 4	91	11
730	TK3-4	18	20128237530	PHAN THI THANH THUY	D17/13A NGUYEN CUU PHU T17 AP 4	91	11
731	TK3-4	18	20128237529	LE CONG BAO	D17/8 NGUYEN CUU PHU T17 AP 4	91	11
732	TK3-4	18	20128237528	TRUONG VAN SON	D17/11A NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
733	TK3-4	18	20128237527	CHAU THI HAI	D17/11 NGUYEN CUU PHU T17 AP 4	91	11
734	TK3-4	18	20128237526	NGUYEN VAN PHUOC	D17/12 NGUYEN CUU PHU T17 AP 4	91	11
735	TK3-4	18	20128237525	LY THI HAI	D17/9 NGUYEN CUU PHU T17 AP 4	91	11
736	TK3-4	18	20128237524	HUYNH THI GAN	D17/9B NGUYEN CUU PHU T17 AP 4	91	11
737	TK3-4	18	20128237523	HO THANH BINH	556 NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
738	TK3-4	18	20128237522	NGUYEN VAN TIN	544 NGUYEN CUU PHU T17 AP 4	91	11
739	TK3-4	18	20128237521	PHAN VAN DON	D17/6 NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
740	TK3-4	18	20128237520	LE THI THANH LAN	D17/5 NGUYEN CUU PHU T17 AP 4	91	11
741	TK3-4	18	20128237519	NGUYEN KIM KHANH	D16/19 NGUYEN CUU PHU T16 AP 4	91	11
742	TK3-4	18	20128237518	NGUYEN VAN KHAU	D17/4 NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
743	TK3-4	18	20128237517	LE HUU SANG	D17/4B (530) NGUYEN CUU PHU T17 AP 4	91	11
744	TK3-4	18	20128237516	NGUYEN THI KIM LOAN	528 NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11

745	TK3-4	18	20128237515	NGUYEN THI DEP	D17/2 NGUYEN CUU PHU T17 AP 4	91	11
746	TK3-4	18	20128237514	LE THI NGO	D17/1NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
747	TK3-4	18	20128237513	DO VAN QUANG	504 (D17/1A) NGUYEN CUU PHU T17 AP 4	91	11
748	TK3-4	18	20128237512	NGUYEN THIEN	496 NGUYEN CUU PHU T16A AP 4	91	11
749	TK3-4	18	20128237511	NGUYEN THI HUONG	494 NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
750	TK3-4	18	20128237510	LE THI THANH HIEN	D16/29A NGUYEN CUU PHU T16 AP 4	91	11
751	TK3-4	18	20128237509	LE THI TAM	D16/29 NGUYEN CUU PHU T16 AP 4	91	11
752	TK3-4	18	20128237508	TRAN HONG THU	D16/28 NGUYEN CUU PHU T16 AP 4	91	11
753	TK3-4	18	20128237507	TRAN VAN TAM	D16/27A NGUYEN CUU PHU T16 AP 4	91	11
754	TK3-4	18	20128237506	NGUYEN TAN DAT	D16/27B NGUYEN CUU PHU T16 AP 4	91	11
755	TK3-4	18	20128237505	NGUYEN THI THANH THUY	D16/27C NGUYEN CUU PHU TO 15A AP 4	91	11
756	TK3-4	18	20128237504	TRAN THI KIEP	D16/25E NGUYEN CUU PHU TO 16A AP 4	91	11
757	TK3-4	18	20128237503	NGUYEN VAN QUI	D16/25C NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
758	TK3-4	18	20128237502	PHAN THI NAM	D16/25 NGUYEN CUU PHU T16 AP 4	91	11
759	TK3-4	18	20128237501	NGUYEN TAN HOANG	D16/25B NGUYEN CUU PHU T16 AP 4	91	11
760	TK3-4	18	20128237500	LE THI KIM PHUONG	372 NGUYEN CUU PHU TO D16 AP 4	91	11
761	TK3-4	18	20128237499	TRAN THI THU PHUONG	D16/26D NGUYEN CUU PHU T16 AP 4	91	11
762	TK3-4	19	20128237498	TRAN TUAN ANH	296 NGUYEN CUU PHU T15 AP 4	91	11
763	TK3-4	18	20128237497	NGUYEN THI DANH	D16/26 NGUYEN CUU PHU T16A AP 4	91	11
764	TK3-4	18	20128237496	LE VAN HAI	D16/26A NGUYEN CUU PHU T16A AP 4	91	11
765	TK3-4	18	20128237495	NGUYEN THANH LOC	D16/16 NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
766	TK3-4	18	20128237494	NGUYEN CANH THINH	D16/16A NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
767	TK3-4	18	20128237493	NGUYEN THI THUY TRANG	422 NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
768	TK3-4	18	20128237492	NGUYEN TAN PHUOC	D16A/11NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
769	TK3-4	18	20128237491	NGUYEN THI THUY NGA	D16/11NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
770	TK3-4	18	20128237490	NGUYEN THI THUY VAN	D16/11 NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
771	TK3-4	18	20128237489	LE LAM DAI	D16/15A NGUYEN CUU PHU T16 AP 4	91	11
772	TK3-4	18	20128237488	NGUYEN VAN NGUYEN	D16/12 NGUYEN CUU PHU T16 AP 4	91	11
773	TK3-4	18	20128237487	NGUYEN QUANG KHAI	D16/12A NGUYEN CUU PHU T16 AP 4	91	11
774	TK3-4	18	20128237486	NGUYEN THI TU	D16/13 NGUYEN CUU PHUNGUYEN CUU PHU T16	91	11
775	TK3-4	18	20128237485	HA THI HAI	NHA KHONG SO KE D16/15A BAN DO 69 AP 4	91	11
776	TK3-4	18	20128237484	CHAU VAN XA	D16/15 NGUYEN CUU PHU T16 AP 4	91	11
777	TK3-4	18	20128237483	PHAM HUU LOC	D16/10B NGUYEN CUU PHU T16 AP 4	91	11
778	TK3-4	18	20128237482	PHAM VAN LOI	D16/10 NGUYEN CUU PHU T16 AP 4	91	11
779	TK3-4	18	20128237481	PHAM THI HONG HANH	D16/10A NGUYEN CUU PHU T16 AP 4	91	11
780	TK3-4	18	20128237480	NGUYEN THANH HAI	D16/9A NGUYEN CUU PHU T16 AP 4	91	11
781	TK3-4	18	20128237479	CONG TY TNHH THUONG MAI-SAN XUA	379 NGUYEN CUU PHU AP 4	93	32
782	TK3-4	18	20128237478	LE VAN MAM	D16/9 NGUYEN CUU PHU T16 AP 4	91	11

783	TK3-4	18	20128237477	HA VAN HOANG VIET	D16/7 NGUYEN CUU PHU T16 AP 4	91	11
784	TK3-4	18	20128237476	LE HONG PHONG	380 NGUYEN CUU PHU T16 AP 4	91	11
785	TK3-4	18	20128237475	CONG TY TNHH MTV CO KHI XUAT NHA	376 DUONG NGUYEN CUU PHUAP 4	91	11
786	TK3-4	18	20128237474	NGUYEN VAN NGHI	374 NGUYEN CUU PHU T16 AP 4	91	11
787	TK3-4	18	20128237473	NGUYEN THI MY NHUNG	D16/6A NGUYEN CUU PHU T16 AP 4	91	11
788	TK3-4	18	20128237472	NGUYEN TAN PHUNG	374 (D16/6) NGUYEN CUU PHU T16 AP 4	91	11
789	TK3-4	18	20128237471	LE VAN DUYET	366 NGUYEN CUU PHU TO D16 AP 4	91	11
790	TK3-4	18	20128237470	HA THI HAI	D16/3 NGUYEN CUU PHU TO D16 AP 4	91	11
791	TK3-4	18	20128237469	LE VAN LAM	D16/3B NGUYEN CUU PHU T16 AP 4	91	11
792	TK3-4	18	20128237468	LE VAN DUC	D16/4(362) NGUYEN CUU PHU T16 AP 4	91	11
793	TK3-4	18	20128237467	VAN THI HONG	D16/2B NGUYEN CUU PHU T16 AP 4	91	11
794	TK3-4	18	20128237466	TRAN VAN HAI	D16/2(354) NGUYEN CUU PHU T16 AP 4	91	11
795	TK3-4	18	20128237465	TRAN LE MINH TAM	D16/2A NGUYEN CUU PHU T16 AP 4	91	11
796	TK3-4	18	20128237464	LE THONG MINH	D16/1 NGUYEN CUU PHU T16 AP 4	91	11
797	TK3-4	18	20128237463	NGUYEN THI MIEU	D15/25 NGUYEN CUU PHU T15 AP 4	91	11
798	TK3-4	18	20128237462	LAM THI HONG TIEP	D15/24A NGUYEN CUU PHU T15 AP 4	91	11
799	TK3-4	18	20128237461	LAM THI NGAI	D15/24 NGUYEN CUU PHU T15 AP 4	91	11
800	TK3-4	18	20128237460	NGUYEN THI SANG	D15/22A NGUYEN CUU PHU T15 AP 4	91	11
801	TK3-4	18	20128237459	PHAN NGOC BICH	D15/23 NGUYEN CUU PHU T15 AP 4	91	11
802	TK3-4	18	20128237458	HA THI TAI	D15/22 NGUYEN CUU PHU T15 AP 4	91	11
803	TK3-4	18	20128237457	PHAN NGOC SAO	D15/22B NGUYEN CUU PHU T15 AP 4	91	11
804	TK3-4	18	20128237456	TRAN NHUT KHOA	D15/21 NGUYEN CUU PHU T4 AP 4	91	11
805	TK3-4	18	20128237455	LE KIM NGA	D15/20 NGUYEN CUU PHU T15 AP 4	91	11
806	TK3-4	18	20128236340	CONG TY TNHH MTV CONG TRINH GIAO	132 DAO DUY TU P6 Q10 TP HCM (NHA THAU TA	93	32
807	TK3-4	18	20128235836	DAO TAN LUC	D15/16C DUONG NGUYEN HUU PHU AP 4	91	11
808	TK3-4	18	20128235084	NGUYEN THI YEN	D15/16 AP 4	91	11
809	TK3-4	18	20128235083	NGUYEN THI KIM NHAN	D15/17A AP 4	91	11
810	TK3-4	18	20128234980	NGO THI ANH	D15/15A TO 15 AP 4	91	11
811	TK3-4	18	20128234979	NGUYEN VAN QUI	D15/15C TO 15 AP 4	91	11
812	TK3-4	18	20128234897	NGUYEN THI NGA	D15/15B AP 4	91	11
813	TK3-4	18	20128234896	NGUYEN HUU THANH	D15/14 AP 4	91	11
814	TK3-4	18	20128225331	TRUONG MAM NON MINH THU	D15/20A T15 AP 4	94	33
815	TK3-4	20	20128165992	LUU KINH QUOC	A8/19H BONG VAN DIA	91	11
816	TK3-4	19	20128165988	PHAN DZU LE THANG	THUA 516 TBD 58 (KS D18/18) XOM HO	91	11
817	TK3-4	9	20128164088	CHI NHANH TONG CONG TY DIEN LUC T	D15/10C THE LU AP 4	91	11
818	TK3-4	9	20128162826	NGUYEN MINH HUE	D15/10 AP 4 THE LU	91	11
819	TK3-4	9	20128162117	NGUYEN THI TOI	D14/6 AP 4 THE LU	91	11
820	TK3-4	9	20128160996	NGUYEN T BACH TUONG	THUA 4603-03 AP 4 THE LU	91	11

821	TK3-4	9	20128150936	NGO KIM PHUONG	E7/125B THE LU	91	11
822	TK3-4	9	20128150935	NGUYEN HONG PHUOC	E7/125A THE LU	91	11
823	TK3-4	9	20128150934	PHAM QUOC HUNG	E5/97D	91	11
824	TK3-4	9	20128150933	PHAN HONG THU	E5/94C THE LU	91	11
825	TK3-4	9	20128150004	PHAM NGOC CHIEN	E5/94 XOM GIUA TO 5 AP 6	91	11
826	TK3-4	9	20128149861	LE THI BE	E6/108 XOM GIUA TO 6 AP 6	91	11
827	TK3-4	9	20128149859	PHAN HONG SON	KE E5/91A XOM GIUA TO 5 AP 6	91	11
828	TK3-4	9	20128149563	NGUYEN LONG PHI	E2/33 THE LU T2 AP 6	91	11
829	TK3-4	9	20128149562	TA VAN NAM	E2/34B T2 AP 6	91	11
830	TK3-4	9	20128149561	HO VAN LIEN	E2/36 T2 AP 6	91	11
831	TK3-4	9	20128149560	NGO THI NHAN	E2/37 T3 THE LU T2 AP 6	91	11
832	TK3-4	9	20128149559	BUI VAN LAM	E3/40 T3 THE LU T3 AP 6	91	11
833	TK3-4	9	20128149558	NGUYEN THI PHUONG TRANG	E3/49A THE LU T3 AP 6	91	11
834	TK3-4	9	20128149557	PHAN VAN VINH	E3/43 T3 AP 6	91	11
835	TK3-4	9	20128149556	PHAM THI UT	E3/44 T3 AP 6	91	11
836	TK3-4	9	20128149555	LAI HUU TAI	E3/39 T3 AP 6	91	11
837	TK3-4	9	20128149554	NGUYEN THI THUY GIAO	E3/61 XOM GIUA T3 AP 6	91	11
838	TK3-4	9	20128149553	NGUYEN HONG BAU	E3/38 THE LU T3 AP 6	91	11
839	TK3-4	9	20128149552	PHAN VAN TY	E4/78 XOM GIUA T4 AP 6	91	11
840	TK3-4	9	20128149551	NGUYEN PHUC KHANG	E4/70B XOM GIUA T4 AP 6	91	11
841	TK3-4	9	20128149550	TRAN THANH LONG	E4/53A THE LU T4 AP 6	91	11
842	TK3-4	9	20128149549	NGUYEN PHUOC TAN	E4/69A XOM GIUA T4 AP 6	91	11
843	TK3-4	19	20128149548	NGUYEN THI TUYET THU	THUA 523 BAN DO 37 XOM GIUA AP 6	91	11
844	TK3-4	9	20128149547	NGUYEN THI THOI	E4/63B XOM GIUA T4 AP 6	91	11
845	TK3-4	9	20128149546	PHAN NHUT MINH THUY	E6/109C XOM GIUA T4 AP 6	91	11
846	TK3-4	9	20128149545	PHAN THI MINH LOAN	E6/109D XOM GIUA T6 AP 6	91	11
847	TK3-4	9	20128149544	NGUYEN VAN BAN	E6/105 XOM GIUA T6 AP 6	91	11
848	TK3-4	9	20128149543	LU HONG VAN	E6/121B AP 6	91	11
849	TK3-4	9	20128149542	DO THANH LAI	E6/124B THE LU T6 AP 6	91	11
850	TK3-4	9	20128149541	NGUYEN TU CUONG	E6/105 XOM GIUA T6 AP 6	91	11
851	TK3-4	9	20128149540	DUONG THI PHUONG	KE E5/93 XOM GIUA T5 AP 6	91	11
852	TK3-4	9	20128149539	NGUYEN THI MINH NGUYET	E5/92C THE LU T5 AP 6	91	11
853	TK3-4	9	20128149538	NGUYEN THAI HOC	E5/87 XOM GIUA T5 AP 6	91	11
854	TK3-4	9	20128149537	NGUYEN THI THAM	E5/87C XOM GIUA T5 AP 6	91	11
855	TK3-4	9	20128149536	NGUYEN THI KIM HUE	E5/85B XOM GIUA T5 AP 6	91	11
856	TK3-4	9	20128149523	NGUYEN VAN VIET	E1/17 THE LU T1 AP 6	91	11
857	TK3-4	9	20128149522	NGUYEN THI TUYET DUNG	E9/179A THE LU T9 AP 6	91	11
858	TK3-4	18	20128149258	NGUYEN HOAI PHONG	D14/18D3 NGUYEN CUU PHU	91	11

859	TK3-4	18	20128149256	HUYNH VAN PHI	D14/28 NGUYEN CUU PHU	91	11
860	TK3-4	19	20128149197	NGUYEN TRUONG THINH	D14/14A NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
861	TK3-4	19	20128149196	NGUYEN TRUONG THUC	D14/14B NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
862	TK3-4	18	20128149176	NGUYEN THI KIEU TRINH	KE D14/28A NGUYEN CUU PHU	91	11
863	TK3-4	19	20128149132	PHU CAM TRAN	D15/11A1 NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
864	TK3-4	18	20128149130	NGUYEN TRUONG GIANG	D14/25B NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
865	TK3-4	19	20128149129	LE THI NO	D14/21 NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
866	TK3-4	18	20128149128	NGUYEN THI HUE	D14/19G NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
867	TK3-4	19	20128149126	TRAN LOC CUONG	D12/18A NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
868	TK3-4	19	20128139166	TRAN THI BUU NHIEU	297 NGUYEN CUU PHU T15 AP 4	91	11
869	TK3-4	19	20128139134	NGUYEN VAN VIEN	D14/10A1 NGUYEN CUU PHU T14 AP 4	91	11
870	TK3-4	19	20128138393	HUYNH VAN QUANG	D14/8A NGUYEN CUU PHU T14 AP 4	91	11
871	TK3-4	18	20128137859	NGUYEN THU THUY	SAT VACH NHA 166 NGUYEN CUU PHU T14AAP	91	11
872	TK3-4	19	20128137753	NGUYEN THI NAM	D15/8 NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
873	TK3-4	18	20128137751	NGUYEN THI MINH CHAU	290 NGUYEN CUU PHUTO 15 AP4	91	11
874	TK3-4	18	20128137749	HO THI KIM DUNG	D15/4 NGUYEN CUU PHUTO 15 AP4	91	11
875	TK3-4	18	20128137748	TRAN CONG MINH	D15/3 NGUYEN CUU PHUTO 15 AP4	91	11
876	TK3-4	18	20128137746	NGO VAN HAO	284 NGUYEN CUU PHUTO 15 AP4	91	11
877	TK3-4	18	20128137739	TRAN MINH MAN	D14/15 NGUYEN CUU PHUTO 14 AP4	91	11
878	TK3-4	19	20128137674	TRAN THI BUU NHIEU	297 NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
879	TK3-4	19	20128137673	TRAN MINH KHOA	251NGUYEN CUU PHU TO 15A AP 4	91	11
880	TK3-4	19	20128137672	NGUYEN THI CAM HA	237 NGUYEN CUU PHU TO 14A AP 4	91	11
881	TK3-4	19	20128137671	NGUYEN VAN DANH	235 NGUYEN CUU PHU TO 14A AP 4	91	11
882	TK3-4	19	20128137670	PHAM TAN BINH	D14/21E NGUYEN CUU PHU TO 14 AP 1	91	11
883	TK3-4	18	20128137454	TRAN VAN THAU	D15/12 NGUYEN CUU PHU T15A AP 4	91	11
884	TK3-4	18	20128137453	HUYNH VAN LEN	D15/5C NGUYEN CUU PHU T15A AP 4	91	11
885	TK3-4	18	20128137452	HO BAO QUOC	D15/5B NGUYEN CUU PHU T15A AP 4	91	11
886	TK3-4	18	20128137451	NGUYEN THI TAU	216 NGUYEN CUU PHU T15 AP 4	91	11
887	TK3-4	18	20128137450	PHAM TAN HONG	196 NGUYEN CUU PHU T14 AP 4	91	11
888	TK3-4	18	20128137449	NGUYEN THI HAI	D14/27B NGUYEN CUU PHU T14 AP 4	91	11
889	TK3-4	18	20128137448	LAM THI THUY TRANG	D15/6B NGUYEN CUU PHU T14 AP 4	91	11
890	TK3-4	18	20128137447	NGUYEN THI TUYET NGA	KE D15/9B NGUYEN CUU PHU T14 AP 4	91	11
891	TK3-4	18	20128137446	NGUYEN THI ANH HONG	D14/18C NGUYEN CUU PHU T14 AP 4	91	11
892	TK3-4	18	20128137445	NGUYEN VAN THU	D14/18H NGUYEN CUU PHU T14 AP 4	91	11
893	TK3-4	18	20128137444	NGUYEN THI THU HUONG	D14/18B NGUYEN CUU PHU T14 AP 4	91	11
894	TK3-4	18	20128137443	NGUYEN HOANG VI	D14/18G NGUYEN CUU PHU T14 AP 4	91	11
895	TK3-4	19	20128137321	NGUYEN THI THU TRANG	D14/5 A	91	11
896	TK3-4	9	20128137320	NGUYEN THI TOI	D14/6C NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11

897	TK3-4	9	20128136522	HUYNH THI NGOC THUY	E8/154B D.THE LU T8 AP 6	91	11
898	TK3-4	9	20128136424	PHAM CONG NGA	E8/166 D.THE LU T8 AP 6	91	11
899	TK3-4	19	20128136419	LE THI NO	D14/21D.NGUYEN CUU PHU T14 AP 4	91	11
900	TK3-4	18	20128136417	NGUYEN VAN PHUOC	D14/19C D.NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
901	TK3-4	18	20128136416	TRAN ANH TUAN	D14/19D D.NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
902	TK3-4	9	20128136209	NGUYEN VAN THANH	E7/140A D.THE LU T7 AP 6	91	11
903	TK3-4	9	20128136154	NGUYEN QUOC THINH	E7/139I D.THE LU AP 6	91	11
904	TK3-4	18	20128136115	LE VAN HANH	B14/18A D.NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
905	TK3-4	18	20128136114	NGUYEN VAN THU	166 D.NGUYEN CUU PHU T14 AP 4	91	11
906	TK3-4	19	20128135835	HUYNH TAN THANH	D14/4C DUONG NGUYEN HUU PHU TO 14 AP 4	91	11
907	TK3-4	9	20128135757	DAO NGOC DIEU	E7/143B DUONG THE LU TO 7 AP 6	91	11
908	TK3-4	9	20128135749	NGO VAN HUU	E7/138 DUONG THE LU TO 7 AP 6	91	11
909	TK3-4	9	20128135557	BUI VAN THIEN	E7/138 TO 7 AP 6	91	11
910	TK3-4	18	20128135440	LE SANG Y	112 NGUYEN CUU PHUAP 4	91	11
911	TK3-4	18	20128135357	TRAN XUAN NGUYEN	D14/18 NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
912	TK3-4	9	20128135356	TRAN VAN DUC	E6/110B AP 4	91	11
913	TK3-4	9	20128135322	DANG NGOC SANG	E8/153H T8 AP 6	91	11
914	TK3-4	19	20128135260	TRAN THI BACH YEN	DUONG NGUYEN CUU PHU AP 4	91	11
915	TK3-4	19	20128135258	TRAN MINH TRIET	D14/15A AP 4	91	11
916	TK3-4	9	20128135185	NGUYEN VAN DU	E7/148 THE LU TO 7 AP 6	91	11
917	TK3-4	9	20128135184	NGUYEN VAN MAU	E7/140 TO 6 AP 6	91	11
918	TK3-4	9	20128135183	NGUYEN VAN THAN	E7/139 THE LU TO 7 AP 6	91	11
919	TK3-4	9	20128135182	NGUYEN THI CAM LOAN	E7/139H THE LU TO 7 AP 6	91	11
920	TK3-4	9	20128135178	NGO VAN NIEN	E7/151 THE LU AP 6	91	11
921	TK3-4	18	20128135149	LE MINH LE	D14/23 DUONG NGUYEN HUU PHU AP	91	11
922	TK3-4	18	20128135148	LE VAN TRUONG	D14/25D AP 4	91	11
923	TK3-4	9	20128135123	LE CONG THUAN	E8/153Q AP 6	91	11
924	TK3-4	19	20128135085	NGUYEN VAN ON	D15/7A AP 4	91	11
925	TK3-4	18	20128135082	TRAN VAN SI	D14/18E AP 4	91	11
926	TK3-4	9	20128134917	DAO NGOC HIEN	E7/143D AP 6	91	11
927	TK3-4	18	20128134895	LE THI MAU	D14/23 AP 4	91	11
928	TK3-4	18	20128134894	NGUYEN VAN PHINH	D14/18D AP 4	91	11
929	TK3-4	9	20128134833	NGUYEN MINH TUAN	E7/141B AP 6	91	11
930	TK3-4	9	20128134831	LAI THI HUYEN	E8/153B AP 6	91	11
931	TK3-4	9	20128134827	THAI THI MY DUNG	E9/174C AP 6	91	11
932	TK3-4	9	20128134826	NGUYEN THI TAM	E9/192 AP 6	91	11
933	TK3-4	9	20128134825	NGUYEN VAN NGO	E4/80D AP 6	91	11
934	TK3-4	9	20128134687	TRAN VAN BON	E9/204 AP 6	91	11

935	TK3-4	9	20128134571	TRAN VAN TAM	E9/173A AP 6	91	11
936	TK3-4	9	20128134564	LE THI THU ANH	E7/137D AP 6	91	11
937	TK3-4	9	20128134526	NGUYEN VAN DUC	E7/137N AP 6	91	11
938	TK3-4	19	20128134502	NGUYEN TRONG NGHIEM	D14/8B AP 3	91	11
939	TK3-4	18	20128134092	NGUYEN THI TUYET MAI	A9/15Q AP 1	91	11
940	TK3-4	9	20128134046	NGUYEN THI BACH TUONG	E6/115A AP 6	91	11
941	TK3-4	19	20128133999	NGUYEN VAN MAN	D14/2 AP 4	91	11
942	TK3-4	18	20128133998	NGUYEN THI HONG DIEP	D15/9A AP 4	91	11
943	TK3-4	19	20128133997	TRUONG THI XUAN HIEN	D13/18F AP 4	91	11
944	TK3-4	18	20128133996	NGUYEN THI THU TRANG	D14/22C AP 4	91	11
945	TK3-4	18	20128126126	HO HOAN KIEM	D15/6 T15 AP 4	91	11
946	TK3-4	18	20128126125	HO THANH HUNG	D15/5A T15 AP 4	91	11
947	TK3-4	18	20128126124	NGUYEN ANH VU	D15/2B AP 4	91	11
948	TK3-4	18	20128125597	BUI THANH HIEN	D15/1B T15 AP 4	91	11
949	TK3-4	18	20128125199	NGUYEN VAN THOAI	D14/17 T4 AP 4	91	11
950	TK3-4	19	20128125198	VO LOI BINH	D14/7A T14 AP 4	91	11
951	TK3-4	9	20128125103	NGO VAN DOAN	E7/137H TL AP 6	91	11
952	TK3-4	9	20128125102	NGUYEN THI DUONG	E7/150 TL T7 AP 6	91	11
953	TK3-4	9	20128125024	NGUYEN THI TOI	D14/6 AP 4	91	11
954	TK3-4	18	20128125023	NGUYEN VAN CU	D14/25A T14 AP 4	91	11
955	TK3-4	18	20128124653	NGUYEN TUYET NGA	34 T15 AP 4	91	11
956	TK3-4	18	20128124652	NGUYEN THI NAM	D15/9 T15 AP 4	91	11
957	TK3-4	9	20128124221	BUI VAN AN	E7/140C AP6	91	11
958	TK3-4	9	20128124082	DIEP BICH PHUONG	E7/141D TL AP 6	91	11
959	TK3-4	9	20128122128	TRAN CONG MINH	E7/139A TL AP6	91	11
960	TK3-4	9	20128121954	NGUYEN VAN HUNG	E7/137E TL AP6	91	11
961	TK3-4	19	20128121845	TRUNG TAM MANG LUOI MOBIFONE MI	D13/18D DDC AP4	94	33
962	TK3-4	19	20128121841	DANG THI UT	D14/11 NCP AP4	91	11
963	TK3-4	9	20128121839	LE THI XUAN	E7/139C TL AP6	91	11
964	TK3-4	9	20128121838	TRAN MINH DE	E7/138B TL AP6	91	11
965	TK3-4	9	20128121837	LUU QUANG HIEP	E7/138C TL AP6	91	11
966	TK3-4	9	20128121836	NGUYEN THI THANH VAN	E7/137K AP 6	91	11
967	TK3-4	9	20128121835	NGUYEN VAN PHUOC	E7/137B TL AP6	91	11
968	TK3-4	9	20128121834	NGUYEN THI HUYNH MAI	E7/135A TL AP6	91	11
969	TK3-4	18	20128121454	PHAM NGOC THANH	D14/29 AP 4	91	11
970	TK3-4	19	20128121453	HUYNH VAN PHOI	D14/3 DUONG NGUYEN CUU PHU	91	11
971	TK3-4	9	20128121368	NGUYEN VAN HANH	E6/113 T6 AP 6	91	11
972	TK3-4	18	20128120930	NGUYEN THI THUAN	D14/22 NCP AP4	91	11

973	TK3-4	9	20128120846	TRUONG MINH TAI	E07/141B AP 6	91	11
974	TK3-4	9	20128120665	NGUYEN THI BACH TUONG	E6/112 AP 6	91	11
975	TK3-4	9	20128120664	NGUYEN VAN NHEM	E7/130 AP 6	91	11
976	TK3-4	9	20128119063	LE THI HUYEN CHAU	E9/174A AP 6	91	11
977	TK3-4	9	20128119062	TRUONG VU TIEN	E7/147 AP 6	91	11
978	TK3-4	9	20128119059	NGUYEN VAN THANH	E6/111A AP 6	91	11
979	TK3-4	9	20128118885	NGUYEN NGOC DUNG	E7/128A AP 6	91	11
980	TK3-4	9	20128118659	NGO VAN TIEU	E7/137 AP6	91	11
981	TK3-4	9	20128118658	HUYNH VAN SON	E7/145 AP6	91	11
982	TK3-4	9	20128118656	TRAN VAN VI	E6/116A AP6	91	11
983	TK3-4	19	20128118540	HUYNH TAN TAI	D14/4A AP 4	91	11
984	TK3-4	9	20128118487	DANG THI QUY	E6/116	91	11
985	TK3-4	9	20128118316	NGUYEN VAN TOT	E6/111 AP6	91	11
986	TK3-4	9	20128118178	NGO VAN CHAU	E7/125 AP6	91	11
987	TK3-4	9	20128118174	DAO THI DEP	E7/127 AP6	91	11
988	TK3-4	9	20128118170	TRAN VAN HIEU	E7/134A AP6	91	11
989	TK3-4	9	20128118054	NGUYEN THI MUOI	E7/134 AP6	91	11
990	TK3-4	9	20128118053	NGUYEN VAN CAO	E7/129 AP6	91	11
991	TK3-4	9	20128118052	NGUYEN VAN TU	E7/128 AP6	91	11
992	TK3-4	9	20128117838	NGUYEN VAN THI	E7/137A AP6	91	11
993	TK3-4	18	20128117832	HUYNH CHAU LANG	D15/2 AP4	91	11
994	TK3-4	18	20128117831	NGUYEN THI HOA	D14/16 AP4	91	11
995	TK3-4	18	20128117747	NGUYEN VAN MEN	D14/16 AP4	91	11
996	TK3-4	9	20128117745	NGUYEN THI THAO	E7/137F AP6	91	11
997	TK3-4	9	20128117596	NGUYEN THI THEU	E7/131 AP6	91	11
998	TK3-4	9	20128117591	VO THI THU NGA	E7/142K AP6	91	11
999	TK3-4	9	20128116894	NGUYEN VAN DUNG	E5/84 AP 6	91	11
1000	TK3-4	18	20128116829	LE MINH NHANH	D14/23A AP4	91	11
1001	TK3-4	18	20128116828	LE THI NGOC	D14/25 AP4	91	11
1002	TK3-4	9	20128116739	NGUYEN THI DEP	E8/155A AP65	91	11
1003	TK3-4	9	20128116735	PHAM VAN DINH	E7/136A AP6	91	11
1004	TK3-4	9	20128116734	HUYNH THI NGHIA	E7/135 AP6	91	11
1005	TK3-4	9	20128116668	NG TRIEU THANH VAN	E7/138D AP6	91	11
1006	TK3-4	9	20128116483	NGO VAN TAM	E7/144 AP6	91	11
1007	TK3-4	9	20128116437	TRAN VAN DAN	E7/143B AP6	91	11
1008	TK3-4	18	20128116423	NGUYEN THI XUAN TRANG	D15/12 AP4	91	11
1009	TK3-4	18	20128116097	LE VAN HANH	D14/18A AP4	91	11
1010	TK3-4	18	20128115990	NGUYEN THI TAM	D15/13 AP4	91	11

